

V/v Biên bản họp và Nghị quyết
của Đại hội đồng cổ đông bất
thường lần 02 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
- Mã chứng khoán: SBH
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 498 Đại Lộ Hùng Vương-Phường 9-TP Tuy Hòa-tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Hữu Phúc-Tổng Giám đốc Công ty
- Điện thoại: 0257.2470.999
- Nội dung thông tin công bố: Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/11/2024 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tinSBH-OTC-3-1268> hoặc (<http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBHOTC-3-1268>)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2024;
- Nghị quyết số 3148/NQ-SBH ngày 28/11/2024.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- HĐQT (b/cáo):
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Hữu Phúc

Phú Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

I. Thông tin chung:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
- Địa chỉ Trụ sở chính: Số 498, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 04/6/2024.
- Điện thoại: 0257.3811.456; Fax: 0257.3811.455.
- Website: <http://sbh.vn>

II. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian họp: Vào lúc 08 giờ 30 phút, thứ Năm ngày 28 tháng 11 năm 2024.
- Địa điểm: Hội trường Tầng 2 Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ - Số 498, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

III. Thành phần tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

- Tất cả các Cổ đông và đại diện Cổ đông được ủy quyền (sau đây gọi tắt là Cổ đông) có quyền biểu quyết theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Đại biểu khách mời gồm có: Đại diện Lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Lãnh đạo Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần, Lãnh đạo các Ban chức năng của Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần, Lãnh đạo Công ty (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc) và các đoàn thể khác của Công ty.

IV. Diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024:

A. Ban tổ chức thực hiện các thủ tục chuẩn bị để tiến hành cuộc họp:

1. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu và các thành phần tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự họp theo quy định, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông trước cuộc họp như sau:

Tổng số có 12 Cổ đông có mặt tham dự họp, tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 là **123.232.093** cổ phần, đạt tỷ lệ **99,20%** so với tổng số **124.225.000** cổ phần có quyền biểu quyết được triệu tập tham dự họp.

(Có Biên bản kiểm tra tư cách Cổ đông kèm theo)

3. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

- ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định.

- Ban tổ chức tuyên bố khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

4. Thông qua Quy định thể lệ biểu quyết và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ:

- Ban tổ chức trình bày Quy định thể lệ biểu quyết và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

- ĐHĐCĐ biểu quyết thống nhất thông qua (tỷ lệ 100%) Quy định thể lệ biểu quyết và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty.

5. Thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu:

- Ban tổ chức giới thiệu **Đoàn Chủ tịch** điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ gồm:

+ Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa Đại hội.

+ Ông Vũ Hữu Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

+ Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị.

Và được sự ủy quyền của Chủ tọa Đại hội, Ban tổ chức giới thiệu Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử như sau:

- Thư ký Đại hội gồm:

+ Ông Trần Huy Việt - Người Phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty.

+ Bà Tạ Thị Kim Hạnh - Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty.

- Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử gồm:

+ Ông Châu Đình Quốc - Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban.

+ Ông Hồ Tuấn Nam - Trưởng Phòng Hành chính - Lao động - Thành viên.

+ Ông Nguyễn Hữu Quang Duy - Phó Trưởng Phòng Hành chính - Lao động - Thành viên.

+ Bà Đỗ Thị Hồng Thanh - Chuyên viên Phòng Hành chính - Lao động - Thành viên.

+ Ông Đào Tấn Hùng - Chuyên viên Tổ Thị trường điện - Thành viên.

- ĐHĐCĐ biểu quyết thống nhất thông qua (tỷ lệ 100%) Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử.

Ban tổ chức trân trọng kính mời Đoàn Chủ tịch lên điều hành cuộc họp và mời Thư ký Đại hội lên làm việc.

6. Thông qua Chương trình họp:

- Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tọa Đại hội trình bày Chương trình họp chính thức: Như kèm theo.

- ĐHĐCĐ biểu quyết thống nhất thông qua (tỷ lệ 100%) toàn bộ nội dung Chương trình chính thức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty.

B. Những nội dung trình ĐHĐCĐ và diễn biến cuộc họp:

1. Ông Vũ Hữu Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thay mặt Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024 về

việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Cổ đông Tổng công ty Điện lực Miền Nam phát biểu việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị về nội dung số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Đoàn Chủ tịch đã tiếp nhận và giải thích cụ thể, chi tiết rõ ràng về ý kiến phát biểu của Cổ đông Tổng công ty Điện lực Miền Nam. Việc thay đổi số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là tuân thủ theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

2. Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tọa Đại hội, thay mặt Đoàn Chủ tịch xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ về nội dung Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Tỷ lệ Tán thành là 92,73% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.
- Tỷ lệ Không tán thành là 7,27 % tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.
- Tỷ lệ Không ý kiến: 0,00%.

ĐHĐCĐ thông qua (tỷ lệ 92,73%) nội dung Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

3. Ông Nguyễn Trương Tiên Đạt - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 2865/TTr-SBH ngày 31/10/2024 về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/12/2024 đối với Ông Nguyễn Văn Tặng để nghỉ hưu theo quy định.

4. Ông Vũ Hữu Phúc - Thành viên Đoàn Chủ tịch, thay mặt Đoàn Chủ tịch xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ về nội dung Tờ trình số 2865/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Tỷ lệ Tán thành là 100,00% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.
- Tỷ lệ Không tán thành là 0,00% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.
- Tỷ lệ Không ý kiến: 0,00%.

ĐHĐCĐ thông qua (tỷ lệ 100,00%) nội dung Tờ trình số 2865/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

5. Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 3053/TTr-SBH ngày 20/11/2024 về việc Nhân sự bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông Tổng công ty Điện lực Miền Nam phát biểu về nội dung thông báo đề cử nhân sự để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Đoàn Chủ tịch đã tiếp nhận và giải thích cụ thể, chi tiết rõ ràng về ý kiến phát biểu của Cổ đông Tổng công ty Điện lực Miền Nam. Công ty đã thông báo và đăng tải trên Website của Công ty về nội dung đề cử nhân sự để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

6. Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tọa Đại hội, thay mặt Đoàn Chủ tịch xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ về nội dung Tờ trình số 3053/TTr-SBH ngày 20/11/2024:

- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 (một) thành viên, nhiệm kỳ 5 (năm) năm, làm việc theo chế độ không chuyên trách.

- Danh sách ứng cử viên đủ điều kiện và tiêu chuẩn để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Đức Phú	Thành viên Hội đồng quản trị

- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tỷ lệ Tán thành là 92,73% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.

+ Tỷ lệ Không tán thành là 7,27% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.

+ Tỷ lệ Không ý kiến: 0,00%.

- ĐHĐCĐ thông qua (tỷ lệ 92,73%) về số lượng, danh sách ứng cử viên đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo nội dung Tờ trình số 3053/TTr-SBH ngày 20/11/2024 để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thông qua Quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- Ban bầu cử trình bày trước ĐHĐCĐ về Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ.

- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tỷ lệ Tán thành là 100,00% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.

+ Tỷ lệ Không tán thành là 0,00% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.

+ Tỷ lệ Không ý kiến: 0,00%.

- ĐHĐCĐ thông qua (tỷ lệ 100,00%) Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

8. Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo cập nhật danh sách Cổ đông tham dự họp lúc 9 giờ 45 phút như sau:

Tổng số có 19 Cổ đông có mặt tham dự họp, tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 là **123.263.793** cổ phần, đạt tỷ lệ **99,23%** so với tổng số **124.225.000** cổ phần có quyền biểu quyết được triệu tập tham dự họp.

9. Ban bầu cử tiến hành công tác bầu cử:

- ĐHĐCĐ tiến hành bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị bằng phiếu kín.

- Các thành viên Ban bầu cử tiến hành thu, kiểm đếm phiếu bầu cử và lập biên bản kết quả bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

10. ĐHĐCĐ nghỉ giải lao.

11. Báo cáo Kết quả bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

Trưởng Ban bầu cử đọc Biên bản kiểm phiếu bầu cử và công bố kết quả bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, như sau:

- Kết quả bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Nguyễn Đức Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	92,73

- Danh sách trúng cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Đức Phú	Thành viên Hội đồng quản trị

(Có kèm theo các Biên bản kiểm phiếu của Ban bầu cử)

12. Thành viên trúng cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị ra mắt ĐHĐCĐ, nhận hoa chức mừng của ĐHĐCĐ. Tặng hoa Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia Hội đồng quản trị.

13. Phát biểu chỉ đạo của Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

Đại hội đã trân trọng lắng nghe Ông **Đình Thế Phúc** - Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam, phát biểu trong cuộc họp.

Đoàn Chủ tịch đã cảm ơn, ghi nhận và tiếp thu những ý kiến phát biểu của Ông Đình Thế Phúc.

14. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tọa Đại hội, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo thẩm quyền ký ban hành Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và các nghị quyết/quyết định về các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

15. Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực những nội dung của cuộc họp và đã đọc trước cuộc họp toàn văn Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 (Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024).

16. ĐHĐCĐ biểu quyết về Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ. Kết quả như sau:

- Tỷ lệ Tán thành là 92,73% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.
- Tỷ lệ Không tán thành là 7,27% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tham dự họp.
- Tỷ lệ Không ý kiến: 0,00%.

ĐHĐCĐ biểu quyết thống nhất thông qua (tỷ lệ 92,73%) Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

V. Bế mạc họp ĐHĐCĐ:

- Ông Nguyễn Văn Tặng thay mặt Đoàn Chủ tịch cảm ơn quý vị Đại biểu, các Quý Cổ đông đã có nhiều đóng góp cho thành công của cuộc họp và tuyên bố bế mạc cuộc

họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

- ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã thành công tốt đẹp và kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày 28/11/2024./.

TM. THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Trần Huy Việt

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Văn Tặng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 02
NĂM 2024 - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, số 498 Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ gồm:

- | | | |
|-----------------------------|---|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Đức Phú | : | Trưởng Ban. |
| 2. Bà Đoàn Thị Mỹ Đông | : | Thành viên. |
| 3. Ông Hồ Tuấn Nam | : | Thành viên. |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Quang Duy | : | Thành viên. |
| 5. Bà Đặng Thị Lanh | : | Thành Viên. |
| 6. Ông Trần Ngọc Văn | : | Thành viên. |
| 7. Ông Phạm Thuân | : | Thành viên. |
| 8. Ông Lê Hoài Yên | : | Thành viên. |
| 9. Ông Đào Tấn Hùng | : | Thành viên. |

Đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

1. Tổng số cổ phần của Công ty 124.225.000 cổ phần (*một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn cổ phần*).

2. Số Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tham dự cuộc họp là: 12 cổ đông; sở hữu 123.232.093 cổ phần, tỷ lệ 99,20%, trong đó:

- Số Cổ đông trực tiếp tham dự là: 9 cổ đông, với số cổ phần sở hữu là 89.751.014 cổ phần, tỷ lệ 72,25%.

- Số đại diện được ủy quyền là: 3 cổ đông, sở hữu 33.481.079 cổ phần, tỷ lệ 26,95%.

- Số Cổ đông vắng mặt là: 256 cổ đông, sở hữu 992.907 cổ phần, tỷ lệ 0,80%.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức Công ty, các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nêu trên là hợp lệ và đủ tư cách tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024.

Biên bản này được lập vào lúc 8 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Đặng Thị Lanh



Đào Tấn Hùng



Nguyễn Hữu Quang Duy



Lê Hoài Yên



Trần Ngọc Văn



Phạm Thuân



Hồ Tuấn Nam



Đoàn Thị Mỹ Đông



Nguyễn Đức Phú



TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHCĐ BẤT THƯỜNG (LẦN 02) NĂM 2024
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Fixed Fixed

STT	Mã biểu quyết	Số ĐKSH	Ngày cấp	Họ và tên	Số lượng cổ phần phổ thông nắm giữ	Số lượng cổ phần được ủy quyền	Tổng số lượng cổ phần được biểu quyết	Tổng mệnh giá	Tham dự bỏ phiếu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	1800590430	01/07/2021	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Nguyễn Anh Vũ)	11.511.140	0	11.511.140	115.111.400.000	x
2	2	1800590430	01/07/2021	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Ngô Minh Quân)	11.511.139	0	11.511.139	115.111.390.000	x
3	3	1800590430	01/07/2021	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Nguyễn Văn Tăng)	30.696.373	1.388.906	32.085.279	320.852.790.000	x
4	4	1800590430	01/07/2021	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Vũ Hữu Phúc)	23.022.279	87.873	23.110.152	231.101.520.000	x
5	5	0300942001	30/05/2016	Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam	8.960.000	0	8.960.000	89.600.000.000	x
6	6	0400101394	07/06/2017	Tổng Công Ty Điện Lực Miền Trung	4.000.000	0	4.000.000	40.000.000.000	x
7	8			Nguyễn Trương Tiên Đạt	0	32.004.300	32.004.300	320.043.000.000	x
8	9	001173017519	08/12/2021	Bùi Lan Hương	20.400	0	20.400	204.000.000	
9	10	004064000006	10/07/2021	Bùi Ngọc Ánh	13.800	0	13.800	138.000.000	
10	11	040174000352	22/11/2017	Bùi Thị Thu Hiền	1.000	0	1.000	10.000.000	
11	12	017194009715	17/12/2021	Bùi Thị Tình	1	0	1	10.000	
12	13	221042545	16/03/2016	Bùi Văn Tá	1.000	0	1.000	10.000.000	
13	14	052083012486	11/08/2021	Bùi Vĩnh Anh	3.026	0	3.026	30.260.000	
14	15	037088003068	28/03/2018	Cao Văn Hoài	900	0	900	9.000.000	
15	16	079096000299	04/02/2023	Chang Khánh Kiệt	2	0	2	20.000	
16	17	001197020591	24/07/2021	Chu Thị Huyền Nga	100	0	100	1.000.000	
17	18	220995641	02/11/2011	Châu Bảo Linh	26	0	26	260.000	
18	19	024085020855	31/12/2021	Diêm Đăng Tuấn	410	0	410	4.100.000	
19	20	054062004866	05/12/2021	Dương Minh Văn	7.000	0	7.000	70.000.000	
20	21	092058001769	02/04/2021	Dương Phước Lộc	400	0	400	4.000.000	
21	22	001183001414	14/06/2022	Dương Thu Hương	100	0	100	1.000.000	
22	23	026191007977	13/08/2021	Dương Thu Trang	200	0	200	2.000.000	
23	24	272428239	10/10/2018	Dương Văn Bình	300	0	300	3.000.000	
24	25	054083009992	28/06/2021	Dương Văn Bốn	3.800	0	3.800	38.000.000	
25	26	019085000145	20/06/2016	Dương Văn Miên	200	0	200	2.000.000	

26	27	019091007983	28/08/2022	Dương Văn Quân	300	0	300	3.000.000	
27	28	221459879	30/09/2015	Hoàng Ngọc Tuấn	8.500	0	8.500	85.000.000	
28	29	221093259	15/06/2007	Hoàng Nữ Tố Như	800	0	800	8.000.000	
29	30	015183000039	17/09/2014	Hoàng Thị Thanh Hương	1.100	0	1.100	11.000.000	
30	31	040192010348	11/08/2021	Hoàng Thị Thủy Quỳnh	300	0	300	3.000.000	
31	32	008181009241	10/05/2021	Hoàng Thị Thê	1	0	1	10.000	
32	33	031086023669	10/11/2021	Hoàng Văn Cường	100	0	100	1.000.000	
33	34	034088012699	29/04/2021	Hoàng Văn Thái	100	0	100	1.000.000	
34	35	067089003579	03/03/2022	Hoàng Đình Đức	1.500	0	1.500	15.000.000	
35	36	079081016849	25/04/2021	Huỳnh Quý Thuận	700	0	700	7.000.000	
36	37	079187002181	22/06/2016	Huỳnh Thị Tuyết Hương	300	0	300	3.000.000	
37	38	054078005318	28/06/2021	Huỳnh Tấn Định	3.880	0	3.880	38.800.000	
38	39	051064000536	20/06/2024	Huỳnh Văn Tố	3.000	0	3.000	30.000.000	
39	40	220829346	25/11/2011	Huỳnh Đức Minh	7.000	0	7.000	70.000.000	
40	41	068085010168	27/12/2021	Huỳnh Đức Thuận	10.000	0	10.000	100.000.000	
41	42	025192000290	12/09/2022	Hà Thị Như Quỳnh	100	0	100	1.000.000	
42	43	221058763	29/04/2016	Hà Thị Phương Bắc	2.000	0	2.000	20.000.000	
43	44	079083030723	12/08/2021	Hà Tuấn Đạt	5	0	5	50.000	
44	45	066300001323	31/10/2023	Hàng Thanh Trà	7	0	7	70.000	
45	46	079083000037	13/01/2022	Hồng Ngọc Đôn	2.000	0	2.000	20.000.000	
46	47	075172013771	10/05/2021	Hứa Thị Huyền	7	0	7	70.000	
47	48	019189008690	02/07/2021	Kiều Thị Liễu	34	0	34	340.000	
48	49	040098012194	05/09/2023	Lê Anh Tân	100	0	100	1.000.000	
49	50	054075001680	22/04/2021	Lê Hoài Yên	1.769	0	1.769	17.690.000	
50	51	221001021	22/03/2011	Lê Hùng	5.000	0	5.000	50.000.000	
51	52	036078008848	12/08/2022	Lê Hồng Sơn	900	0	900	9.000.000	
52	53	221128668	20/02/2016	Lê Hữu Tân	2.000	0	2.000	20.000.000	
53	54	221091685	04/03/2015	Lê Mai Bảo Huy	1.285	0	1.285	12.850.000	
54	55	082187000699	16/10/2022	Lê Mai Hồng Lan	30	0	30	300.000	
55	56	079198016008	14/07/2022	Lê Minh Nhật	100	0	100	1.000.000	
56	57	054078001955	22/04/2021	Lê Minh Tân	6.800	0	6.800	68.000.000	
57	58	038081021618	12/09/2022	Lê Ngọc Sang	4.500	0	4.500	45.000.000	
58	59	049080004841	26/12/2021	Lê Ngọc Tuấn	200	0	200	2.000.000	
59	60	221060564	24/03/2008	Lê Quang Vũ	100	0	100	1.000.000	
60	61	054076001531	22/04/2021	Lê Quang Đông	15.600	0	15.600	156.000.000	
61	62	220220722	28/12/2009	Lê Sĩ Thúy	83	0	83	830.000	
62	63	044154005453	02/05/2021	Lê Thị Lan Hương	10.500	0	10.500	105.000.000	
63	64	038138000564	22/05/2017	Lê Thị Mỹ Đức	600	0	600	6.000.000	
64	65	025180019970	13/08/2021	Lê Thị Thu Hà	1.000	0	1.000	10.000.000	
65	66	054172010638	19/05/2023	Lê Thị Trinh Nữ	2.898	0	2.898	28.980.000	
66	67	054059000256	05/04/2021	Lê Trung Thành	19.003	0	19.003	190.030.000	x
67	68	034084003475	08/05/2021	Lương Mã Thiên	700	0	700	7.000.000	
68	69	036062000084	06/09/2014	Mai Quốc Hội	1.600	0	1.600	16.000.000	
69	70	221115258	16/11/2015	Nay Y Dũng	47	0	47	470.000	

70	71	058072003809	27/12/2021	Ngô Thanh Bình	20	0	20	200.000	
71	72	001058021814	25/04/2021	Nguyễn An Sơn	6.000	0	6.000	60.000.000	
72	73	089078000263	01/03/2019	Nguyễn Anh Quân	1.000	0	1.000	10.000.000	
73	74	035049000442	03/04/2017	Nguyễn Anh Tuấn	3.700	0	3.700	37.000.000	
74	75	080092013664	11/08/2021	Nguyễn Anh Tuấn	10	0	10	100.000	
75	76	220113033	05/05/2010	Nguyễn Bá Phi	2.000	0	2.000	20.000.000	x
76	77	034080001816	12/06/2015	Nguyễn Bảo Khương	9.000	0	9.000	90.000.000	
77	78	054085006004	11/08/2021	Nguyễn Công Huân	300	0	300	3.000.000	
78	79	221038778	12/12/2014	Nguyễn Công Hải	300	0	300	3.000.000	
79	80	054079002196	22/04/2021	Nguyễn Diệu Khánh	3.573	0	3.573	35.730.000	
80	81	001188018913	08/12/2021	Nguyễn Diệu Mỹ	5.200	0	5.200	52.000.000	
81	82	001093006478	24/07/2021	Nguyễn Huy Khải	20	0	20	200.000	
82	83	220840228	08/03/2016	Nguyễn Huỳnh Mộng Huyền	2.000	0	2.000	20.000.000	
83	84	056083000934	28/11/2023	Nguyễn Hồ Phương	4.696	0	4.696	46.960.000	
84	85	035172011007	23/08/2022	Nguyễn Hồng Hà	1.900	0	1.900	19.000.000	
85	86	079085026898	18/09/2022	Nguyễn Hồng Tâm	200	0	200	2.000.000	
86	87	221001105	14/11/2011	Nguyễn Hội	5.472	0	5.472	54.720.000	
87	88	086055007472	10/07/2021	Nguyễn Hữu Phương	4.000	0	4.000	40.000.000	
88	89	001192042329	10/07/2021	Nguyễn Khánh Hà	300	0	300	3.000.000	
89	90	052153001109	29/04/2021	Nguyễn Kế Huệ	1.800	0	1.800	18.000.000	
90	91	221055026	23/12/2013	Nguyễn Lê Lanh Đa	3.000	0	3.000	30.000.000	
91	92	054099003835	30/12/2023	Nguyễn Lê Sang	21	0	21	210.000	
92	93	221112406	10/06/2013	Nguyễn Lưu Huyền	1.500	0	1.500	15.000.000	
93	94	221042389	02/07/2018	Nguyễn Lương Nam	1.000	0	1.000	10.000.000	
94	95	079202033813	20/01/2022	Nguyễn Minh Tuấn	1	0	1	10.000	
95	96	036092004055	22/12/2021	Nguyễn Mạnh Hùng	100	0	100	1.000.000	
96	97	221405088	24/01/2013	Nguyễn Ngô Trường Sanh	2.300	0	2.300	23.000.000	
97	98	017080000790	16/04/2021	Nguyễn Ngọc Cường	200	0	200	2.000.000	
98	99	054080001540	22/04/2021	Nguyễn Ngọc Nhẹ	2.392	0	2.392	23.920.000	
99	100	001172021716	10/07/2021	Nguyễn Nhị Hà	100	0	100	1.000.000	
100	101	054078001629	13/04/2021	Nguyễn Phi Long	2.000	0	2.000	20.000.000	
101	102	024333973	18/02/2013	Nguyễn Phương Đông	16.000	0	16.000	160.000.000	
102	103	001072018688	24/07/2021	Nguyễn Sinh Dũng Thăng	1	0	1	10.000	
103	104	086078013702	16/12/2022	Nguyễn Siêu Mẫn	1	0	1	10.000	
104	105	013625676	09/04/2013	Nguyễn Thu Thảo	200	0	200	2.000.000	
105	106	220790271	31/08/2015	Nguyễn Thành Lâm	2.571	0	2.571	25.710.000	
106	107	030190017232	07/03/2022	Nguyễn Thị Bình	200	0	200	2.000.000	
107	108	220818783	15/05/2015	Nguyễn Thị Hiến	70	0	70	700.000	
108	109	015171007247	28/09/2021	Nguyễn Thị Hoa	8	0	8	80.000	
109	110	038188011202	25/04/2021	Nguyễn Thị Hoa	11	0	11	110.000	
110	111	040183008191	16/04/2021	Nguyễn Thị Hồng	2.606	0	2.606	26.060.000	
111	112	001172032628	14/05/2024	Nguyễn Thị Lân	500	0	500	5.000.000	
112	113	040196023630	22/06/2022	Nguyễn Thị Lý	1	0	1	10.000	
113	114	220965130	04/06/2012	Nguyễn Thị Mai Hoa	3.000	0	3.000	30.000.000	

114	115	05416000080	25/03/2021	Nguyễn Thị Minh Luận	400	0	400	4.000.000
115	116	220544078	21/10/2005	Nguyễn Thị Mỹ Lành	2.000	0	2.000	20.000.000
116	117	049193004500	11/11/2021	Nguyễn Thị Ngọc Viễn	500	0	500	5.000.000
117	118	040300000222	13/01/2022	Nguyễn Thị Như Quỳnh	100	0	100	1.000.000
118	119	027194003692	01/05/2021	Nguyễn Thị Phương	1	0	1	10.000
119	120	027190002297	08/04/2021	Nguyễn Thị Phương	1	0	1	10.000
120	121	001179038512	09/05/2021	Nguyễn Thị Thanh Hương	2.000	0	2.000	20.000.000
121	122	036167003695	10/04/2021	Nguyễn Thị Thoa	1	0	1	10.000
122	123	011934760	28/03/2013	Nguyễn Thị Thu Giang	400	0	400	4.000.000
123	124	042178000280	30/04/2021	Nguyễn Thị Thu Phương	300	0	300	3.000.000
124	125	220128606	10/11/2006	Nguyễn Thị Thuận	4.900	0	4.900	49.000.000
125	126	001174063398	06/06/2023	Nguyễn Thị Tuyết Lê	2.200	0	2.200	22.000.000
126	127	220964043	10/07/2009	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	3.175	0	3.175	31.750.000
127	128	026165002933	09/04/2021	Nguyễn Thị Vân	4.000	0	4.000	40.000.000
128	129	221235455	29/10/2016	Nguyễn Thị Vũ	8.400	0	8.400	84.000.000
129	130	001189002369	18/12/2023	Nguyễn Thủy Anh	900	0	900	9.000.000
130	131	015078006131	17/12/2021	Nguyễn Tiến Dũng	7.500	0	7.500	75.000.000
131	132	001079043494	10/07/2021	Nguyễn Tiến Thọ	1.200	0	1.200	12.000.000
132	133	094092000398	07/04/2021	Nguyễn Trung Khương	2	0	2	20.000
133	134	001063013889	18/12/2021	Nguyễn Trường Giang	1.000	0	1.000	10.000.000
134	135	001065010350	25/04/2021	Nguyễn Trường Sơn	3.600	0	3.600	36.000.000
135	136	054050000888	22/04/2021	Nguyễn Trọng Quyên	47.784	0	47.784	477.840.000
136	137	054059000434	22/04/2021	Nguyễn Trọng Vượng	6.000	0	6.000	60.000.000
137	138	220710635	12/10/2007	Nguyễn Tấn Phụng Long	67	0	67	670.000
138	139	221055775	08/12/2007	Nguyễn Tấn Thạnh	700	0	700	7.000.000
139	140	220963376	11/11/2011	Nguyễn Tấn Tài	2.000	0	2.000	20.000.000
140	141	040081029563	11/08/2021	Nguyễn Tấn Hải	1.000	0	1.000	10.000.000
141	142	220945575	11/06/2003	Nguyễn Tịnh	2.000	0	2.000	20.000.000
142	143	001080035152	16/04/2021	Nguyễn Văn Chung	2.200	0	2.200	22.000.000
143	144	054081010127	15/07/2021	Nguyễn Văn Dương	2.296	0	2.296	22.960.000
144	145	092089003253	03/01/2018	Nguyễn Văn Trung	600	0	600	6.000.000
145	146	221004330	18/08/2017	Nguyễn Văn Đông	2.400	0	2.400	24.000.000
146	147	034077057034	10/08/2021	Nguyễn Đình Duật	1.400	0	1.400	14.000.000
147	148	052080017285	27/12/2021	Nguyễn Đình Nam	3.154	0	3.154	31.540.000
148	149	054079001808	16/04/2021	Nguyễn Đình Trung Nghĩa	8.000	0	8.000	80.000.000
149	150	220794833	12/12/2012	Nguyễn Đình Vũ	14.800	0	14.800	148.000.000
150	151	220971966	19/08/2019	Nguyễn Đức Cường	5.500	0	5.500	55.000.000
151	152	052081011640	09/01/2022	Nguyễn Đức Hoài	4.180	0	4.180	41.800.000
152	153	001084033703	09/12/2021	Nguyễn Đức Minh	200	0	200	2.000.000
153	154	052080011241	03/07/2022	Ngô Thái Hiệp	3.000	0	3.000	30.000.000
154	155	220868438	28/01/2015	Ngô Thị Kim Chung	4.100	0	4.100	41.000.000
155	156	221007770	23/07/2014	Ngô Thị Nương	2.000	0	2.000	20.000.000
156	157	220969844	12/05/2018	Ngô Thị Thu	2.000	0	2.000	20.000.000
157	158	054079001568	22/04/2021	Ngô Tường Viên	900	0	900	9.000.000

158	159	044084000347	15/07/2024	Phan Chí Dũng	500	0	500	5.000.000	
159	160	220791041	25/03/2011	Phan Nguyễn Thị Kim Chi	3.000	0	3.000	30.000.000	
160	161	221276273	28/12/2007	Phan Thị Bích Thủy	1.600	0	1.600	16.000.000	
161	162	220619206	03/03/2008	Phan Thị Kim Trang	2.000	0	2.000	20.000.000	
162	163	221055110	01/09/1997	Phan Thị Phương Thanh	932	0	932	9.320.000	
163	164	054163002578	22/11/2022	Phan Thị Quỳnh Giao	9.100	0	9.100	91.000.000	
164	165	054151000007	25/02/2022	Phan Thị Thuần	3.000	0	3.000	30.000.000	
165	166	220895151	12/09/2009	Phan Thị Uyên Uyên	22.000	0	22.000	220.000.000	
166	167	221317371	30/03/2009	Phan Trường Quý	170	0	170	1.700.000	
167	168	054069000202	25/03/2021	Phan Văn Phương	4.000	0	4.000	40.000.000	x
168	169	220832984	15/07/2011	Phùng Minh Khoáng	6.000	0	6.000	60.000.000	
169	170	079082032192	10/08/2021	Phạm Anh Vũ	2.800	0	2.800	28.000.000	
170	171	023684219	31/12/2013	Phạm Anh Vũ	300	0	300	3.000.000	
171	172	054070000054	16/09/2022	Phạm Hồng Nhiên	4.000	0	4.000	40.000.000	
172	173	001084004475	26/07/2016	Phạm Hồng Điệp	5.500	0	5.500	55.000.000	
173	174	001084004475	07/11/2021	Phạm Hồng Điệp	200	0	200	2.000.000	
174	175	221045761	26/08/2013	Phạm Hữu Nhân	2.500	0	2.500	25.000.000	
175	176	221117987	10/10/2007	Phạm Ngọc Minh	10.002	0	10.002	100.020.000	
176	177	001082026868	26/05/2022	Phạm Nhật Quang	700	0	700	7.000.000	
177	178	034077015509	01/06/2021	Phạm Quyết Thắng	2.000	0	2.000	20.000.000	
178	179	001182014519	24/07/2018	Phạm Thanh Dung	300	0	300	3.000.000	
179	180	221124548	26/02/2016	Phạm Thanh Tịnh	6.425	0	6.425	64.250.000	
180	181	066082008593	12/01/2022	Phạm Thái Hà	10.000	0	10.000	100.000.000	
181	182	221040884	29/04/2011	Phạm Thị Ngọc Anh	110	0	110	1.100.000	
182	183	034186000115	10/05/2021	Phạm Thị Quỳnh	2.100	0	2.100	21.000.000	
183	184	079186024998	12/01/2022	Phạm Thị Thanh Hương	200	0	200	2.000.000	
184	185	054163009088	23/10/2023	Phạm Thị Thanh Minh	5.000	0	5.000	50.000.000	
185	186	210151082	12/08/2016	Phạm Thị Thu Hồng	10.000	0	10.000	100.000.000	
186	187	035087004039	04/02/2022	Phạm Văn Hùng	100	0	100	1.000.000	
187	188	220651118	11/01/2016	Phạm Văn Kỳ	3.197	0	3.197	31.970.000	
188	189	054068011571	11/08/2021	Phạm Văn Sang	4.000	0	4.000	40.000.000	
189	190	019073009840	28/06/2021	Phạm Xuân Định	1.849	0	1.849	18.490.000	
190	191	033064006504	25/04/2021	Phạm Đức Tâm	8.200	0	8.200	82.000.000	
191	192	033064006504	28/08/2024	Phạm Đức Tâm	2.300	0	2.300	23.000.000	
192	193	012061000142	08/04/2021	Thái Sơn	3.000	0	3.000	30.000.000	
193	194	042085014847	09/05/2021	Thái Văn Hiếu	56	0	56	560.000	
194	195	049054006504	10/08/2021	Thái Văn Thắng	7.280	0	7.280	72.800.000	
195	196	001178037595	10/07/2021	Trương Huỳnh Minh Hà	500	0	500	5.000.000	
196	197	052084002143	16/04/2021	Trương Văn Nhung	2.598	0	2.598	25.980.000	
197	198	054081001422	22/04/2021	Trương Vĩnh Thái	2.399	0	2.399	23.990.000	
198	199	001205026486	07/09/2020	Trần Anh Duy	200	0	200	2.000.000	
199	200	194188942	28/06/2013	Trần Anh Tuấn	2.499	0	2.499	24.990.000	
200	201	031063003918	11/10/2022	Trần Cao Hoàng	100	0	100	1.000.000	
201	202	079091038759	10/11/2022	Trần Hoàng Nguyên	100	0	100	1.000.000	

202	203	048099000347	13/04/2021	Trần Huy	19	0	19	190.000	
203	204	024062011882	21/09/2021	Trần Hữu Tuyên	200	0	200	2.000.000	
204	205	001199004626	16/12/2014	Trần Minh Huyền	100	0	100	1.000.000	
205	206	220962949	26/12/2008	Trần Minh Hạng	2.000	0	2.000	20.000.000	
206	207	221041000	07/11/2007	Trần Ngọc Vân	1.702	0	1.702	17.020.000	
207	208	001078020696	07/05/2021	Trần Quang Hiến	6.200	0	6.200	62.000.000	
208	209	054080001541	22/04/2021	Trần Quốc Khoa	3.026	0	3.026	30.260.000	
209	210	054058005205	28/06/2021	Trần Thiện Kim	22.300	0	22.300	223.000.000	
210	211	035089007507	12/01/2022	Trần Thế Thanh	6	0	6	60.000	
211	212	211186587	08/11/2016	Trần Thị Hồng Hạnh	2.500	0	2.500	25.000.000	
212	213	075183007576	13/01/2022	Trần Thị Mộng Thu	362	0	362	3.620.000	
213	214	220128624	13/06/2007	Trần Thị Nga	3.500	0	3.500	35.000.000	
214	215	221083295	27/01/2015	Trần Thị Phương Thảo	4.106	0	4.106	41.060.000	
215	216	054183000079	19/04/2022	Trần Thị Thanh Hải	2.000	0	2.000	20.000.000	
216	217	220975002	07/08/2020	Trần Thị Thanh Tuyền	2.000	0	2.000	20.000.000	
217	218	031183003891	15/03/2016	Trần Thị Thu Thủy	100	0	100	1.000.000	
218	219	036082024735	12/01/2022	Trần Tiến Dũng	1.100	0	1.100	11.000.000	
219	220	051059001809	26/12/2021	Trần Tuấn Anh	2.000	0	2.000	20.000.000	
220	221	052075001870	22/04/2021	Trần Vinh Quang	3.026	0	3.026	30.260.000	
221	222	054067000276	26/03/2021	Trần Văn Hạnh	1.650	0	1.650	16.500.000	
222	223	038064006878	16/09/2024	Trần Văn Hải	4.000	0	4.000	40.000.000	
223	224	221055859	19/03/2014	Trần Văn Hội	6.028	0	6.028	60.280.000	
224	225	027063000231	20/12/2022	Trần Văn Lục	300	0	300	3.000.000	
225	226	027063000231	07/02/2020	Trần Văn Lục	100	0	100	1.000.000	
226	227	033082000271	03/06/2021	Trần Văn Phục	1.000	0	1.000	10.000.000	
227	228	220846122	09/09/2019	Trần Văn Thạnh	4.000	0	4.000	40.000.000	
228	229	162370132	19/08/2009	Trần Văn Ứng	697	0	697	6.970.000	
229	230	211989165	16/09/2015	Trần Đình Chiến	100	0	100	1.000.000	
230	231	051077012292	10/05/2021	Trần Đình Chiến	200	0	200	2.000.000	
231	232	075079000632	05/06/2020	Trần Đăng Khoa	40.200	0	40.200	402.000.000	
232	233	075079000632	21/08/2022	Trần Đăng Khoa	15.153	0	15.153	151.530.000	
233	234	079184031087	10/07/2021	Trịnh Ngọc Trâm	100	0	100	1.000.000	
234	235	020193006911	01/06/2023	Tô Thị Nga	1	0	1	10.000	
235	236	054060003534	10/08/2021	Tạ Hoàng Nam	25.000	0	25.000	250.000.000	x
236	237	054062003578	11/08/2021	Tạ Mộng Sơn	2.040	0	2.040	20.400.000	
237	238	221109165	21/12/2012	Tạ Thị Kim Hạnh	12.600	0	12.600	126.000.000	
238	239	001180001348	10/07/2021	Tổng Mỹ Hạnh	6.000	0	6.000	60.000.000	
239	240	221474636	28/11/2016	Tổng Văn Thuận	797	0	797	7.970.000	
240	241	044078003218	16/04/2021	Võ Văn Thiện	400	0	400	4.000.000	
241	242	054058005986	22/11/2022	Võ Văn Tri	55.000	0	55.000	550.000.000	
242	243	036066000063	08/12/2021	Vũ Mạnh Hùng	7.900	0	7.900	79.000.000	
243	244	033159002413	29/03/2019	Vũ Thị Kim Nhung	1.900	0	1.900	19.000.000	
244	245	036148006467	28/06/2021	Vũ Thị Quang	400	0	400	4.000.000	
245	246	091079002351	28/06/2021	Vũ Đức Nghĩa	98	0	98	980.000	

246	247	054082005007	10/05/2021	Đình Văn Vương	13	0	13	130.000	
247	248	272116453	08/05/2014	Đình Xuân Hòa	300	0	300	3.000.000	
248	249	221112776	23/09/2015	Đoàn Hữu Sinh	3.154	0	3.154	31.540.000	
249	250	001185000002	10/07/2021	Đoàn Kim Dung	100	0	100	1.000.000	
250	251	054074012374	16/03/2022	Đoàn Ngọc Tuấn	2.336	0	2.336	23.360.000	
251	252	220705401	15/12/2012	Đoàn Thị Lê	11.018	0	11.018	110.180.000	
252	253	221113233	08/11/2014	Đoàn Thị Mỹ Đông	4.290	0	4.290	42.900.000	
253	254	220963048	27/02/2015	Đoàn Thị Thanh Thủy	1.200	0	1.200	12.000.000	
254	255	013189259	15/05/2009	Đoàn Văn Cường	100	0	100	1.000.000	
255	256	221144775	25/06/2014	Đào Thị Ái Nữ	6.000	0	6.000	60.000.000	
256	257	042178013117	25/03/2022	Đào Thị Ân	100	0	100	1.000.000	
257	258	220240273	02/04/2007	Đào Tấn Lộc	15.000	0	15.000	150.000.000	
258	259	220176431	25/04/2012	Đào Tấn Thứ	69	0	69	690.000	
259	260	019081001375	25/04/2021	Đặng Nguyễn Linh	1.100	0	1.100	11.000.000	
260	261	221049548	12/12/2012	Đặng Thị Lanh	80	0	80	800.000	x
261	262	054172000562	03/04/2021	Đặng Thị Mỹ Linh	3.157	0	3.157	31.570.000	
262	263	221085855	17/07/2017	Đặng Văn Khoa	4.066	0	4.066	40.660.000	
263	264	026083007334	21/09/2022	Đặng Văn Quang	300	0	300	3.000.000	
264	265	052063016893	05/04/2023	Đặng Văn Tuấn	127.229	0	127.229	1.272.290.000	
265	266	211198704	28/11/2015	Đỗ Ngọc Tuấn	2.000	0	2.000	20.000.000	
266	267	030158022719	08/05/2023	Đỗ Thị Hạnh	200	0	200	2.000.000	
267	268	027196009308	06/09/2021	Đỗ Thị Phượng	1	0	1	10.000	
268	269	CA5883	31/07/2012	America LLC	49.100	0	49.100	491.000.000	
				CỘNG	124.225.000	33.481.079	124.225.000	1.242.250.000.000	

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Thời gian: Lúc 08 giờ 30 phút, thứ Năm ngày 28 tháng 11 năm 2024.

*Địa điểm: Hội trường Tầng 2 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ - Số 498
Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.*

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	08h30÷08h40	Đón tiếp Đại biểu & Cổ đông.	Ban tổ chức, Ban phục vụ
		Kiểm tra tư cách cổ đông (KTTCCĐ), lập danh sách Cổ đông tham dự họp.	Ban KTTCCĐ
		Phát Tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung TV HĐQT.	Ban chuẩn bị tài liệu
2	08h40÷09h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.	Ban tổ chức
		Báo cáo KTTCCĐ tham dự họp và Tuyên bố khai mạc họp ĐHĐCĐ.	Ban KTTCCĐ, Ban tổ chức
		Thông qua Quy định thể lệ biểu quyết và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ.	Ban tổ chức
		Thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và Ban bầu cử.	Ban tổ chức
		Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ.	Đoàn Chủ tịch
3	09h30÷10h10	Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.	HĐQT
		Thông qua nội dung Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.	Đoàn Chủ tịch
		Tờ trình về việc Miễn nhiệm TV HĐQT.	HĐQT
		Thông qua nội dung Tờ trình về việc Miễn nhiệm TV HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
		Tờ trình về việc nhân sự bầu bổ sung TV HĐQT.	HĐQT
		Thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung TV HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
		Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung TV HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	Ban bầu cử
		Cập nhật tình hình Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.	Ban KTTCCĐ
		ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử bổ sung TV HĐQT	Ban bầu cử
4	10h10÷10h20	ĐHĐCĐ thảo luận	ĐHĐCĐ
5	10h20÷10h35	Nghi giải lao	ĐHĐCĐ

6	10h35÷10h40	Báo cáo kết quả bầu cử bổ sung TV HĐQT	Ban bầu cử
7	10h40÷10h45	Tặng hoa TV HĐQT mới trúng cử và TV HĐQT không tham gia HĐQT.	Ban tổ chức
8	10h45÷10h55	Phát biểu chỉ đạo của TV HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ông Đinh Thế Phúc.	EVN
9	10h55÷11h10	Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.	Thư ký Đại hội
		Thông qua biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.	Đoàn Chủ tịch
10	11h10÷11h15	Bế mạc Đại hội.	Ban tổ chức

**BAN TỔ CHỨC
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

**CẬP NHẬT TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, số 498 Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ gồm:

- | | | |
|-----------------------------|---|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Đức Phú | : | Trưởng Ban. |
| 2. Bà Đoàn Thị Mỹ Đông | : | Thành viên. |
| 3. Ông Hồ Tuấn Nam | : | Thành viên. |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Quang Duy | : | Thành viên. |
| 5. Bà Đặng Thị Lanh | : | Thành Viên. |
| 6. Ông Trần Ngọc Văn | : | Thành viên. |
| 7. Ông Phạm Thuân | : | Thành viên. |
| 8. Ông Lê Hoài Yên | : | Thành viên. |
| 9. Ông Đào Tấn Hùng | : | Thành viên. |

Đã thực hiện cập nhật tình hình cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Kết quả cập nhật như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty 124.225.000 cổ phần (một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn cổ phần).
- Số Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tham dự cuộc họp là: 19 cổ đông, sở hữu 123.263.793 cổ phần, tỷ lệ 99,23%; tăng so với ban đầu là 7 cổ đông, sở hữu 31.700 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0,03%.

(Có danh sách các Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông đính kèm)

Báo cáo này được lập vào lúc 09 giờ 45 phút cùng ngày./.

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Đặng Thị Lanh



Đào Tấn Hùng



Nguyễn Hữu Quang Duy



Lê Hoài Yên



Trần Ngọc Văn



Phạm Thuân




Hồ Tuấn Nam



Đoàn Thị Mỹ Đông



Nguyễn Đức Phú



Phú Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU

**BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ,

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ được tổ chức tại Hội trường Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, số 498 Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Ban bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 thông qua, gồm có:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Ông Châu Đình Quốc | - Trưởng ban |
| 2. Ông Hồ Tuấn Nam | - Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Hữu Quang Duy | - Thành viên |
| 4. Bà Đỗ Thị Hồng Thanh | - Thành viên |
| 5. Ông Đào Tấn Hùng | - Thành viên |

Ban bầu cử đã tiến hành phát phiếu bầu, kiểm đếm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ của các Cổ đông và đại diện Cổ đông được ủy quyền có mặt tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty với kết quả như sau:

Tổng số Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, theo danh sách cổ đông được chốt đến ngày 30/10/2024 là 293 Cổ đông; là người sở hữu và đại diện cho 124.225.000 cổ phần.

Số Cổ đông và đại diện Cổ đông được ủy quyền có mặt: **19** Cổ đông, đại diện số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền là **123.263.793** cổ phần; tương ứng với tổng số cổ phần có quyền bầu là **123.263.793** cổ phần.

Ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 nhất trí thông qua.

1. Kết quả kiểm phiếu như sau:

- | | |
|-------------------------------|---|
| - Tổng số phiếu phát ra: | 19 phiếu, tương ứng với: 123.263.793 phiếu bầu. |
| - Tổng số phiếu thu về: | 19 phiếu, tương ứng với: 123.263.793 phiếu bầu. |
| - Tổng số phiếu hợp lệ: | 19 phiếu, tương ứng với: 123.263.793 phiếu bầu. |
| - Tổng số phiếu không hợp lệ: | 0 phiếu, tương ứng với: 0 phiếu bầu. |

2. Tổng hợp kết quả bầu cử:

Ứng cử viên	Số phiếu (phiếu)	Số phiếu bầu đã biểu quyết	Tỷ lệ (%) (Số phiếu bầu đã biểu quyết / Tổng số phiếu bầu)
Nguyễn Đức Phú	19	114.303.793	92,7310

3. Kết quả trúng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế bầu cử và kết quả kiểm phiếu bầu cử, danh sách trúng cử bổ sung vào thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ như sau:

- Ông Nguyễn Đức Phú – Trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị.

Biên bản này được lập xong lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày. Nội dung biên bản đã được thống nhất của các thành viên trong Ban bầu cử và đọc trước Đại hội đồng cổ đông.

Ban bầu cử xin bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ số phiếu bầu cho Đoàn Chủ tịch./.

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Đào Tấn Hùng



Nguyễn Hữu Quang Duy



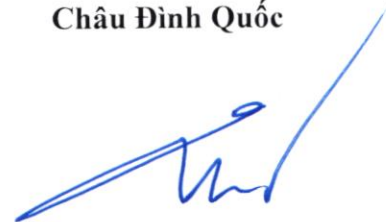
Đỗ Thị Hồng Thanh



Hồ Tuấn Nam



Châu Đình Quốc



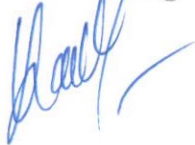
KẾT QUẢ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt.	Họ và tên	Mã biểu quyết	Số ĐKSH	Loại cổ phiếu	Tổng số CP sở hữu và được ủy quyền	Tổng số cổ phần được quyền bầu	Số phiếu (cổ phần) biểu quyết bầu		Không hợp lệ	Ghi chú
							Nguyễn Đức Phú			
1	2	3	4	5	6	7	8		9	10
1	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Nguyễn Anh Vũ)	1	1800590430	Phổ thông	11.511.140	11.511.140	11.511.140			
2	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Ngô Minh Quân)	2	1800590430	Phổ thông	11.511.139	11.511.139	11.511.139			
3	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Nguyễn Văn Tặng)	3	1800590430	Phổ thông	32.085.279	32.085.279	32.085.279			
4	Tổng Công Ty Phát Điện 2-CTCP (Ông Vũ Hữu Phúc)	4	1800590430	Phổ thông	23.110.152	23.110.152	23.110.152			
5	Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam	5	0300942001	Phổ thông	8.960.000	8.960.000				
6	Tổng Công Ty Điện Lực Miền Trung	6	0400101394	Phổ thông	4.000.000	4.000.000	4.000.000			
7	Nguyễn Trương Tiến Đạt	8	0	Phổ thông	32.004.300	32.004.300	32.004.300			
8	Bùi Văn Tá	13	221042545	Phổ thông	1.000	1.000	1.000			
9	Lê Trung Thành	67	054059000256	Phổ thông	19.003	19.003	19.003			
10	Nguyễn Bá Phi	76	220113033	Phổ thông	2.000	2.000	2.000			
11	Nguyễn Phi Long	101	054078001629	Phổ thông	2.000	2.000	2.000			
12	Nguyễn Thị Minh Luân	115	054160000080	Phổ thông	400	400	400			
13	Nguyễn Đình Vũ	150	220794833	Phổ thông	14.800	14.800	14.800			
14	Phan Văn Phương	168	054069000202	Phổ thông	4.000	4.000	4.000			
15	Phùng Minh Khoáng	169	220832984	Phổ thông	6.000	6.000	6.000			
16	Phạm Hữu Nhân	175	221045761	Phổ thông	2.500	2.500	2.500			
17	Phạm Thị Thanh Minh	185	054163009088	Phổ thông	5.000	5.000	5.000			
18	Tạ Hoàng Nam	236	054060003534	Phổ thông	25.000	25.000	25.000			
19	Đặng Thị Lanh	261	221049548	Phổ thông	80	80	80			
Tổng cộng:					123.263.793	123.263.793	114.303.793		-	
Tỉ lệ (%)							92,7310		-	

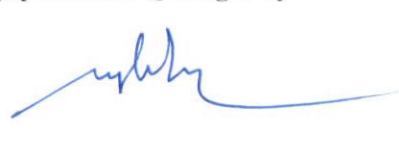
Tổng số phiếu	19	19	0	123.263.793
Tổng số phiếu hợp lệ:	19 tương ứng	114.303.793		123.263.793
Tổng số phiếu không hợp lệ:	0 tương ứng			0

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Đào Tấn Hùng



Nguyễn Hữu Quang Duy



Hồ Tuấn Nam



Đỗ Thị Hồng Thanh



Châu Đình Quốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**
(Bản hiệu chỉnh và bổ sung)

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02
NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

STT	NỘI DUNG TÀI LIỆU
1	Chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.
2	Quy định thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 (kèm theo Thẻ biểu quyết).
3	Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.
4	Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024 về việc Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
5	Tờ trình số 2865/TTr-SBH ngày 31/10/2024 về việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.
6	Tờ trình số 3053/TTr-SBH ngày 20/11/2024 về việc nhân sự bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.
7	Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 (kèm theo Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị)
8	Dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**1.
CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Thời gian: Lúc 08 giờ 30 phút, thứ Năm ngày 28 tháng 11 năm 2024.

*Địa điểm: Hội trường Tầng 2 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ - Số 498
Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.*

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	08h30÷08h40	Đón tiếp Đại biểu & Cổ đông.	Ban tổ chức, Ban phục vụ
		Kiểm tra tư cách cổ đông (KTTCCĐ), lập danh sách Cổ đông tham dự họp.	Ban KTTCCĐ
		Phát Tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung TV HĐQT.	Ban chuẩn bị tài liệu
2	08h40÷09h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.	Ban tổ chức
		Báo cáo KTTCCĐ tham dự họp và Tuyên bố khai mạc họp ĐHĐCĐ.	Ban KTTCCĐ, Ban tổ chức
		Thông qua Quy định thể lệ biểu quyết và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ.	Ban tổ chức
		Thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và Ban bầu cử.	Ban tổ chức
		Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ.	Đoàn Chủ tịch
3	09h30÷10h10	Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.	HĐQT
		Thông qua nội dung Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.	Đoàn Chủ tịch
		Tờ trình về việc Miễn nhiệm TV HĐQT.	HĐQT
		Thông qua nội dung Tờ trình về việc Miễn nhiệm TV HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
		Tờ trình về việc nhân sự bầu bổ sung TV HĐQT.	HĐQT
		Thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung TV HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
		Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung TV HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	Ban bầu cử
		Cập nhật tình hình Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.	Ban KTTCCĐ
		ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử bổ sung TV HĐQT.	Ban bầu cử
Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).	ĐHĐCĐ		

4	10h10÷10h20	ĐHĐCĐ thảo luận.	ĐHĐCĐ
5	10h20÷10h35	Nghỉ giải lao.	ĐHĐCĐ
6	10h35÷10h40	Báo cáo kết quả bầu cử bổ sung TV HĐQT.	Ban bầu cử
7	10h40÷10h45	Tặng hoa TV HĐQT mới trúng cử và TV HĐQT không tham gia HĐQT.	Ban tổ chức
8	10h45÷10h55	Phát biểu chỉ đạo của TV HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ông Đinh Thế Phúc.	EVN
9	10h55÷11h10	Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.	Thư ký Đại hội
		Thông qua biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.	Đoàn Chủ tịch
10	11h10÷11h15	Bế mạc Đại hội.	Ban tổ chức

**BAN TỔ CHỨC
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



2.

**QUY ĐỊNH THỂ LỆ
BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

Phú Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**QUY ĐỊNH THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ban hành Quy định thẻ lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 như sau:

1. Các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ đều phải được biểu quyết công khai và trực tiếp tại cuộc họp.

2. Những nội dung sau đây được ĐHĐCĐ thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết (khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty và điểm b khoản 12 Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty) của tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện Cổ đông được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành:

- Quy định thẻ lệ biểu quyết, Quy chế tổ chức tại cuộc họp.
- Số lượng và danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và Ban bầu cử (không quá 05 (năm) người).
- Chương trình cuộc họp.
- Việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
- Việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.
- Số lượng và danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.
- Quy chế bầu cử.
- Biên bản và dự thảo Nghị quyết cuộc họp.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định.

3. Cổ đông khi làm thủ tục đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ, sẽ được Ban chuẩn bị tài liệu phát Thẻ lệ biểu quyết (thẻ màu đỏ) cùng với Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị (màu xanh) và các tài liệu họp khác theo quy định.

Trên Thẻ lệ biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty, họ tên Cổ đông, mã số biểu quyết, số đăng ký sở hữu¹ cùng ngày cấp, số cổ phần sở hữu, tổng số cổ

¹Cổ đông tổ chức là số đăng ký kinh doanh; Cổ đông cá nhân là số CCCD, CMND, Hộ chiếu, ...

phần được ủy quyền, tổng số cổ phần được quyền biểu quyết, các nội dung biểu quyết.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

a. Cách thức biểu quyết:

- Khi Đoàn Chủ tịch hoặc Ban tổ chức xin ý kiến ĐHĐCĐ biểu quyết những nội dung theo **mục 2** thì Cổ đông “**GIO**” Thẻ biểu quyết (thẻ màu đỏ) để biểu quyết.

b. Thẻ biểu quyết hợp lệ:

- Thẻ biểu quyết do Ban tổ chức, Ban chuẩn bị tài liệu phát ra có dấu của Công ty, thẻ màu đỏ và trên thẻ có các nội dung như được nêu tại **mục 2**.

5. Quy định thẻ lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ thông qua./.

**BAN TỔ CHỨC
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**3.
QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

Phủ Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ban hành Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 như sau:

CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông được ủy quyền (sau đây gọi tắt là Cổ đông) tham dự họp, điều kiện và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

3. Quy chế này quy định trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tọa Đại hội, Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử, Ban chuẩn bị tài liệu và Ban phục vụ tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tất cả Cổ đông đang sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ theo danh sách Cổ đông đã được chốt để tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

2. Chủ tọa Đại hội, Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử, Ban chuẩn bị tài liệu và Ban phục vụ tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

Điều 3. Trật tự cuộc họp

Cổ đông và khách mời đến tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 phải tuân thủ các quy định sau:

- Trang phục tham dự họp phải chỉnh tề, nghiêm túc.
- Khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí (hoặc khu vực) đã quy định hoặc do Ban tổ chức hướng dẫn.
- Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp (tắt điện thoại hoặc để điện thoại ở chế độ im lặng), giữ gìn trật tự, không gây ồn ào.
- Không mang vũ khí, chất cháy, nổ vào phòng họp.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự họp

1. Cổ đông khi tới tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy tờ tùy thân (*Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu*) và Giấy xác nhận tham dự/Ủy quyền tham dự họp trình Ban kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký dự họp. Ban chuẩn bị tài liệu sẽ phát Tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị cho Cổ đông tham dự họp.

2. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề, nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

3. Cổ đông có quyền phát biểu ý kiến của mình bằng hình thức gửi câu hỏi cho Đoàn Chủ tịch hoặc giơ tay phát biểu tại cuộc họp. Cổ đông sẽ được phát biểu ý kiến khi được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.

4. Cổ đông khi phát biểu cần phải chuẩn bị trước nội dung để phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần thảo luận, phù hợp với nội dung chương trình làm việc đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 thông qua. Cổ đông không được nhắc lại những ý kiến đã được phát biểu trước đó. Thời gian phát biểu của mỗi Cổ đông không quá 03 phút/lần.

5. Cổ đông đến dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền thực hiện các thủ tục đăng ký ngay với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Ban chuẩn bị tài liệu sẽ phát Tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và có quyền tham gia họp ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua sẽ không bị ảnh hưởng.

6. Cổ đông nghiêm túc chấp hành Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội, Đoàn Chủ tịch.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban chuẩn bị tài liệu và Ban phục vụ

1. Ban tổ chức do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban tổ chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 theo đúng thể lệ, Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ về thủ tục tham dự, số cổ phần của Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về các kết quả trong công tác kiểm tra, lập biên bản kiểm tra tư cách của các Cổ đông tham dự họp; báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông và số lượng Cổ đông tham dự họp. Bàn giao lại cho Đoàn Chủ tịch các tài liệu liên quan đến thủ tục đăng ký dự họp của Cổ đông và biên bản kiểm tra tư cách Cổ đông.

3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị Đoàn Chủ tịch về việc những Cổ đông đến tham dự họp nhưng Ban kiểm tra tư cách cổ đông nhận thấy không đầy đủ tư cách tham dự họp đề Đoàn Chủ tịch giải quyết.

4. Ban chuẩn bị tài liệu và Ban phục vụ do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban chuẩn bị tài liệu có trách nhiệm chuẩn bị Tài liệu họp; phát Tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị cho Cổ đông; phát Tài liệu họp cho đại biểu tham dự họp. Ban phục vụ thực hiện công tác lễ tân, tiếp đón và những công việc khác theo sự phân công của Ban tổ chức.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội, Đoàn Chủ tịch

1. Chủ tọa Đại hội điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung, chương trình nghị sự, các quy định và các quy chế đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 thông qua.

2. Chủ tọa Đại hội chủ trì cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung, chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ và các vấn đề liên quan khác trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp.

3. Chủ tọa Đại hội có quyền yêu cầu Cổ đông dừng phát biểu ý kiến nếu nội dung phát biểu không đúng nội dung, chương trình của cuộc họp hoặc vượt quá thời gian cho phép.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự và đảm bảo cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông.

5. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

6. Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm giải đáp các ý kiến thảo luận của Cổ đông hoặc phân công cán bộ có trách nhiệm trả lời, làm rõ tại cuộc họp.

7. Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

Điều 7. Trách nhiệm của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tịch, phản ánh trung thực, chính xác nội dung của cuộc họp vào trong Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử

1. Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử (không quá 05 (năm) người) do Đoàn Chủ tịch đề cử và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

2. Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử có nhiệm vụ hướng dẫn về công tác biểu quyết các nội dung theo chương trình họp và công tác bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu của Cổ đông và tổ chức kiểm đếm Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024; lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước cuộc họp; giao lại biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị cho Đoàn Chủ tịch.

4. Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử làm việc trung thực, khách quan và chịu trách nhiệm về hiệu lực pháp lý của kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024.

**CHƯƠNG III:
TIẾN HÀNH CUỘC HỌP
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

Điều 9. Điều kiện và cách thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết (khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty và điểm a khoản 8 Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty).

2. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 sẽ lần lượt được nghe những nội dung theo chương trình của cuộc họp, thảo luận và biểu quyết thông qua những nội dung trên.

3. Việc biểu quyết thông qua những nội dung trong chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 được thực hiện theo Quy định thể lệ biểu quyết.

4. Việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 sẽ được thực hiện theo Quy chế bầu cử.

Điều 10. Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ

1. Tất cả nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 phải được Thư ký Đại hội ghi vào trong Biên bản của cuộc họp.

2. Biên bản và dự thảo Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 phải được Thư ký Đại hội đọc và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty theo quy định.

Điều 11. Các điều khoản khác

1. Các vấn đề khác về tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024, trì hoãn hay triệu tập lại cuộc họp (nếu có) đều phải được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của Cổ đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ do các Cổ đông tự túc.

**CHƯƠNG IV:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 4 Chương, 12 Điều và được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2024.

2. Quy chế này có hiệu lực ngay khi được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 thông qua để tiến hành tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ. Các nội dung về thành lập các Ban chuẩn bị và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 hiệu lực thi hành theo Quyết định thành lập của Hội đồng quản trị./.

**BAN TỔ CHỨC
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**4.
TỜ TRÌNH VỀ VIỆC
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY,
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị
và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Văn bản số 4161/EVNGENCO2-TCNS+TH ngày 21/10/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần về việc Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Nghị quyết số 2857/NQ-SBH ngày 30/10/2024, 2628/NQ-SBH ngày 07/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Trên cơ sở các quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC và đồng thời để phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

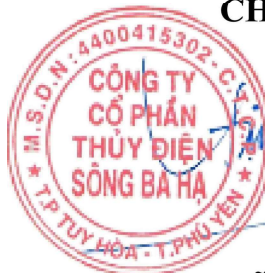
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ. Chi tiết như Phụ lục và các Dự thảo gửi kèm theo.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Công bố thông tin;
- Đăng Website Cty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tặng

Phụ lục: Nội dung Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
(Kèm theo Tờ trình số /Tr-SBH ngày /10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

Stt	Nội dung theo quy định hiện hành của Công ty	Nội dung đề xuất sửa đổi	Ghi chú
I	Điều lệ Công ty ban hành theo Nghị quyết số 1309/NQ-SBH ngày 24/5/2024	Điều lệ Công ty	
1	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: b) Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 (một phần năm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: b) Công ty có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	<i>Phù hợp với Điều a khoản 3 Điều 41 của Luật Chứng khoán năm 2019</i>
2	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Công ty ; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty ; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	<i>Tham chiếu rõ các chức danh quản lý khác đến Quy chế quản lý nội bộ của Công ty</i>

II	<p>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành theo Nghị quyết số 882/NQ-SBH ngày 10/4/2024</p> <p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p> <p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p><i>Phù hợp với nội dung sử đổi Điều lệ Công ty tại Mục I.2 nêu trên</i></p>
2	<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị; <p>- Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 (một phần năm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập;</p>	<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị; <p>- Công ty có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập;</p>	<p><i>Phù hợp với nội dung sử đổi Điều lệ Công ty tại Mục I.1 nêu trên</i></p>

III	<p>Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị ban hành theo Nghị quyết số 882/NQ-SBH ngày 10/4/2024</p> <p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>b) Công ty <i>phải đảm bảo ít nhất 1/5 (một phần năm) tổng số</i> thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p>	<p>Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>b) Công ty <i>có 01 (một)</i> thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p>	<p><i>Phù hợp với nội dung sử dụng Điều lệ Công ty tại Mục I.1 nêu trên</i></p>
2	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và <i>các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty</i>; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và <i>các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty</i>; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p><i>Phù hợp với nội dung sử dụng Điều lệ Công ty tại Mục I.2 nêu trên</i></p>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

(Kèm theo Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024)

Phú Yên, Tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)...	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...	18

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 34. Người điều hành Công ty	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	33
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 38. Ban kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..	36
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	39

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	39
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	39
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 48. Năm tài chính	40
Điều 49. Chế độ kế toán	40
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
Điều 51. Báo cáo thường niên	41
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 52. Kiểm toán	41
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	42
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 54. Giải thể Công ty	42
Điều 55. Gia hạn hoạt động	42
Điều 56. Thanh lý	42
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 58. Điều lệ Công ty	44
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 59. Ngày hiệu lực	44
Phụ lục. Danh sách cổ đông sáng lập	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số /NQ-SBH ngày 28/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba hạ và có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024. Phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm;
- g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
- j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Song Ba Ha Hydro Power Joint Stock Company;

c) Tên Công ty viết tắt: SBH.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ Trụ sở chính: Số 498, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên;

b) Điện thoại: 02573 811 456;

c) Fax: 02573 811 455;

d) Email: ctcptdsongbaha@yahoo.com.vn;

đ) Website: <http://sbh.vn>.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
2. Trường hợp chưa có Tổng giám đốc thì người được giao quyền Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
351 (Chính)	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện; Dịch vụ quản lý vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; Dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp.
7912	Điều hành tua du lịch. Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Vì lợi ích của các cổ đông theo quy định của pháp luật;
- b) Vì sự phát triển bền vững của Công ty;
- c) Có trách nhiệm với cộng đồng.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **1.242.250.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bốn mươi hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **124.225.000 cổ phần** (*Một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn cổ phần*) với mệnh giá là **10.000 đồng/cổ phần** (*mười nghìn đồng/cổ phần*).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Tổ chức là cổ đông của Công ty có: sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến. Cổ đông có thể tham dự Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp trực tuyến một cách thuận tiện và hiệu quả.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; Quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; Quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

f) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông

báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên, và từ 90% trở lên được đề cử 09 (chín) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 06 (sáu) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

b) Công ty *có 01 (một)* thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, trong các trường hợp sau:

- a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công

ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và *các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty*; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;

o) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

p) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;

q) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm thành viên độc lập Hội đồng quản trị) để có cơ sở kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị và làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo

mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; Có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 14 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến (theo nhiều cách thức) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được

khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư thì phiếu biểu quyết này phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng giám đốc (trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và cán bộ quản lý khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị, những người được mời họp có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười ngày) kể từ ngày gửi.

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị nhưng không được đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Trường hợp điều hành trái với quy định, gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và/hoặc Quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty (nếu có).

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f) Tuyển dụng lao động;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

i) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc xây dựng Bảng phân công Ban Tổng giám đốc, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để cụ thể hóa các nội dung về tổ chức bộ máy, phân công điều hành hoạt động hàng ngày của Ban Tổng giám đốc, đệ trình Hội đồng quản trị thông qua trước khi ban hành.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này (theo cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị).

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35%

trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm

03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ nhất trí thông qua ngày 28/11/2024 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày 01/12/2024.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục: Danh sách cổ đông sáng lập

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy ĐKKD	Số lượng cổ phần phổ thông	Giá trị góp vốn (triệu đồng)
01	Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Số 01, Lê Hồng Phong - Phường Trà Nóc - Quận Bình Thủy - Thành phố Cần Thơ	1800590430 19/11/2012 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ	75.588.900	755.889,00
02	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Số 72, Hai Bà Trưng - Phường Bến Nghé - Quận 01 - Thành phố Hồ Chí Minh	0300942001 07/4/2010 Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	8.960.000	89.600,00
03	Tổng Công ty Điện lực miền Trung	Số 78A, Duy Tân - Phường Hòa Thuận Đông - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng	0400101394 24/3/2010 Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng	4.000.000	40.000,00
TỔNG CỘNG				88.548.900	885.489,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

(Kèm theo Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024)

Phú Yên, Tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	13
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	15
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	16
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 9. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	26
Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	34
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	38
Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	38
Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	39
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	39
Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	40
Điều 18. Quy định đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	44
CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	45
Điều 19. Sửa đổi, bổ sung	45
Điều 20. Hiệu lực thi hành	46

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 01 tháng 12 năm 2024

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-SBH ngày 28/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những đối tượng liên quan có đề cập trong Quy chế này.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định có thể gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

a) Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; Quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Báo cáo tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; Quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty;
 - Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- c) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến. Cổ đông có thể tham dự Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp trực tuyến một cách thuận tiện và hiệu quả;

b) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

a) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Số lượng từng loại cổ phần, số và ngày đăng ký của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch;

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

a) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- Các công việc khác phục vụ đại hội;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03

(ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

c) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị nêu trên thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp;

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 6.1 khoản này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;

c) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

d) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

a) Trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông muốn tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự phải được thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nhưng không giới hạn một trong cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước khi khai mạc Đại hội ít nhất 03 (ba) ngày;

b) Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, người dự họp phải nộp bản đăng ký dự họp chính thức, quốc tịch hoặc số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu bầu cử (nếu cuộc họp có bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát) và thẻ biểu quyết, trên thẻ ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Trường hợp nhiều cổ đông ủy quyền cho 01 người dự họp thì phiếu biểu quyết ghi họ, tên của một cổ đông ủy quyền sở hữu số cổ phiếu cao nhất trong số các cổ đông ủy quyền, tổng số cổ phần do các cổ đông ủy quyền sở hữu, tổng số cổ phần ủy quyền cùng số phiếu biểu quyết tương ứng;

c) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp lần thứ nhất;

d) Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển của Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu

a) Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, số thẻ không có ý kiến được thu sau cùng, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định;

b) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

11. Cách thức kiểm phiếu

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 05 (năm) người;

b) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó;

c) Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản và được Ban kiểm phiếu công bố trước đại hội;

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty;

d) Công ty nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử để phòng tránh sai sót;

đ) Tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả kiểm phiếu.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

c) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ

tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu;
- b) Biên bản kiểm phiếu được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp;

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;

c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng;

d) Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;

Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

a) Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua;

b) Công ty tổ chức công bố thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

d) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

đ) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;

g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như đối với thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quy chế này. Trong thông báo triệu tập cần nêu rõ hình thức hội nghị là trực tuyến và kèm theo đó là hướng dẫn truy cập tham dự đại hội.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được quy định cụ thể trong thông báo mời họp.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Quy chế này.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 3 của Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Cách thức bỏ phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa hướng dẫn cụ thể trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Cách thức bỏ phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa làm rõ trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay sau khi các cổ đông hoàn thiện việc bỏ phiếu.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 3 của Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 3 của Quy chế này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện tương tự như đối với thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quy chế này. Trong thông báo triệu tập cần nêu rõ hình thức hội nghị là trực tiếp kết hợp với trực tuyến và kèm theo đó là hướng dẫn truy cập tham dự đại hội đối với các cổ đông tham dự trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

a) Đối với cổ đông tham dự trực tiếp thực hiện việc đăng ký tham dự được quy định tại khoản 7 Điều 3 của Quy chế này.

b) Đối với cổ đông tham dự trực tuyến thực hiện đăng ký tham dự được quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo khoản 8 Điều 3 của Quy chế này và số cổ đông dự họp được tính bằng tổng số cổ đông dự họp trực tiếp và trực tuyến.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo khoản 9 Điều 3 của Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo khoản 10 Điều 3 và khoản 6 Điều 5 của Quy chế này.

7. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo khoản 11 Điều 3 và khoản 7 Điều 5 của Quy chế này.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo khoản 15 Điều 3 của Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 3 của Quy chế này.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc hàng ngày của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và *các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty*; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;

o) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

p) Phê chuẩn, chấp thuận những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều lệ Công ty;

q) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có **06 (sáu)** người;

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục;

c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

- Công ty **có 01 (một)** thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập;

b) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

+ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 (năm) công ty khác;

+ Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; Của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

+ Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

+ Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; Không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

+ Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

+ Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; Là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

+ Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

+ Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

+ Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

a) Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ Công ty có quyền đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị;

b) Ứng viên Hội đồng quản trị sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lệ của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

b) Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách ứng viên, sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt; có đóng dấu Công ty;

c) Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử;

d) Phiếu bầu được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện, cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu;

đ) Ghi phiếu bầu:

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu;

- Trường hợp ghi sai, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác (việc đổi phiếu tiến hành trước khi kết thúc bầu cử);

- Ký xác nhận phiếu bầu;

e) Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty; không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử đã bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu cử được bầu của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho ít nhất một ứng cử viên;

- Phiếu bầu vượt phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f) Ban bầu cử và kiểm phiếu:

- Ban bầu cử và kiểm phiếu không quá 05 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị;

- Ban bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước đại hội;

g) Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội;

h) Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu của cổ đông có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, trong đó đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i) Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu;

j) Trong trường hợp phải lựa chọn 01 (một) trong 02 (hai) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:

- Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào đang nắm giữ số cổ phần nhiều hơn hoặc đại diện chủ sở hữu nắm giữ cổ phần nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu biểu quyết bầu cao hơn;

- Nếu ứng viên không phải là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị lâu hơn sẽ được xem xét ưu tiên chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm;

k) Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng;

l) Lập và công bố biên bản kiểm phiếu:

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; danh sách thành viên Hội đồng quản trị trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp;

- Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội;

m) Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty;

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này;

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề

cử tối đa 02 (hai) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên, và từ 90% trở lên được đề cử 09 (chín) ứng viên;

- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử;

d) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và làm việc theo chế độ chuyên trách;

b) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn;

c) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù

lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được và/hoặc không tiếp cận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cách thức biểu quyết của Hội đồng quản trị

a) Ngoài việc tham gia biểu quyết trực tiếp, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư thì phiếu biểu quyết này phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

b) Trong các cuộc họp trực tuyến, qua điện thoại, các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến (theo nhiều cách thức) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này;

d) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng các yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp;

e) Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản có chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết;

d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố, thông báo thông tin về nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

a) Bảo mật thông tin theo Quy chế của Công ty và theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả công tác của mình;

c) Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra kết quả thực hiện các khuyến nghị của cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Cập nhật kiến thức nhằm đảm bảo năng lực chuyên môn cho lĩnh vực được giao;

đ) Sau khi có chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ quyết định cách thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng tiểu ban và của từng thành viên trong tiểu ban thông qua các quy chế nội bộ của tiểu ban hoặc các quyết định thành lập tại từng thời điểm. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị;

e) Các tiểu ban của Hội đồng quản trị có thể được xác lập theo Điều lệ Công ty bao gồm:

- Tiểu ban chính sách phát triển;
- Tiểu ban kiểm toán nội bộ;
- Tiểu ban nhân sự;
- Tiểu ban lương thưởng.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị quy định chi tiết về trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên trong tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được bổ nhiệm phụ trách các tiểu ban này;

- Trưởng của một tiểu ban phải:

+ Thông báo cho Hội đồng quản trị biết về tất cả các vấn đề quan trọng liên quan công việc của tiểu ban ít nhất 03 tháng một lần;

+ Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng các tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình;

b) Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu và phải có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của Công ty; Có kiến thức, năng lực giỏi trong các lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được phân công;

+ Phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản về đạo đức kinh doanh, quản lý, Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động và các quy định khác có liên quan;

- Trưởng tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này;

- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

+ Không đủ tiêu chuẩn theo quy định;

+ Không hoàn thành nhiệm vụ;

+ Có đơn xin từ chức và đã gửi đến Hội đồng quản trị;

+ Xét thấy cần thiết, có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào khi mà có từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót;

c) Tiểu ban có trách nhiệm soạn thảo quy định, nguyên tắc hoạt động của tiểu ban trong đó bao gồm các quy định chi tiết về hoạt động họp, các nhiệm vụ và trách nhiệm báo cáo cùng các vấn đề khác để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn về quản trị kinh doanh; tài chính; kế toán; kiểm toán hoặc luật kinh tế từ trình độ đại học trở lên;

d) Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

a) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm. Người phụ trách quản trị Công ty được hưởng các quyền lợi, chế độ và lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định của Công ty;

b) Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Tóm tắt quá trình công tác, các mối quan hệ với các người nội bộ của Công ty, số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty, ...

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

a) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần thiết nhưng không trái với các quy định hiện hành pháp luật về lao động;

b) Người phụ trách quản trị Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bị pháp luật cấm;

- Có đơn xin không đảm nhận công việc;

- Bị rối loạn tâm thần, có bằng chứng chứng tỏ không còn năng lực hành vi;

- Không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
- d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

g) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

h) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

đ) Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty;

e) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;

b) Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ;

c) Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

d) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam;

đ) Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

b) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

a) Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này;

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh

nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

a) Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty;

c) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Ban kiểm soát bị giảm 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty, để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát bị giảm 1/3;

d) Trình tự cách thức bầu, phiếu bầu, cách thức ghi phiếu bầu, phiếu hợp lệ và không hợp lệ, đề cử Ban bầu cử và kiểm phiếu, kết quả bầu cử được thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy chế này;

đ) Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác do Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định;

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Các chức danh quản lý khác;

- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có);

b) Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Vai trò và trách nhiệm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Trường hợp điều hành trái với quy định, gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f) Tuyển dụng lao động;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và/hoặc Quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty (nếu có).

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định mức lương, phụ cấp, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật Doanh nghiệp.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và phải được công bố thông tin trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thông tin về tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Chương VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc phải được cung cấp cho nhau khi một trong các bên có yêu cầu;

b) Tùy từng trường hợp, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc phải bảo đảm yêu cầu phối hợp về thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp cho nhau.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

a) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng trình tự, thủ tục và đã có hiệu lực phải được thông báo tới Tổng giám đốc để thực hiện và Ban kiểm soát để giám sát;

b) Việc thông báo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới Ban kiểm soát, Tổng giám đốc do Người phụ trách quản trị hoặc Thư ký Công ty thực hiện.

3. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a) Xung đột quyền và nghĩa vụ giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị;

b) Khủng hoảng mà việc xử lý vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc;

c) Các giao dịch mà Tổng giám đốc là một bên liên quan;

d) Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

a) Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành một mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung chính về kết quả hoạt động của Công ty: sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng, quản trị Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổng giám đốc cung cấp thông tin bằng hình thức phù hợp khi thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

a) Hàng năm Tổng giám đốc phải trình bản báo cáo, đánh giá lên Hội đồng quản trị xem xét về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổng giám đốc được quyền trình bày và bảo lưu ý kiến của mình trước Hội đồng quản trị về những vấn đề không tán thành của Hội đồng quản trị;

c) Tổng giám đốc có quyền khiếu nại những kiểm điểm, đánh giá của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cuối cùng về bản báo cáo, đánh giá của Tổng giám đốc.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty, Tổng giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu. Việc cung cấp thông tin của Tổng giám đốc cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:

- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát một cách đồng thời;

- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được đồng thời gửi đến Ban kiểm soát với thời điểm gửi đến Tổng giám đốc trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

- Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

- Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát phải gửi trước ít nhất 05 ngày làm việc và Ban kiểm soát phải phản hồi trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị;

- Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện cho Ban kiểm soát phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất;

Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải nghiên cứu để có kế hoạch khắc phục và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan;

b) Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị:

- Tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm;

- Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản nhưng không trễ hơn 20 ngày kể từ ngày kết thúc và phải gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo phạm vi và kết quả kiểm tra, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và/hoặc quy định tại Điều lệ Công ty thì phải thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

- Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi ít nhất 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đề nghị;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 05 ngày làm việc và Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đề nghị.

8. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

a) Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không can thiệp vào công việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;

b) Hội đồng quản trị thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c) Hội đồng quản trị có quyền tham gia vào tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Tổng giám đốc, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp;

d) Hội đồng quản trị thực hiện giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc và Tổng giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, yêu cầu của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty;

đ) Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm chỉ đạo, nghiên cứu và quyết định các biện pháp điều hành để thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong điều hành hàng ngày hoạt động sản xuất kinh

doanh; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

e) Đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty;

f) Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị (sau khi có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị) có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý doanh nghiệp trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Yêu cầu có thể bằng văn bản hoặc email và gửi cho Tổng giám đốc hoặc gửi trực tiếp cho cán bộ quản lý trước ít nhất 24 giờ, cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo Tổng giám đốc trước khi cung cấp thông tin;

g) Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty do Tổng giám đốc đệ trình, Hội đồng quản trị phản hồi theo thời gian quy định của Điều lệ Công ty;

h) Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng và kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc;

i) Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ, ... nhưng phải báo cáo Hội đồng quản trị ngay trong vòng 01 giờ thông tin bằng điện thoại, tin nhắn, báo cáo bằng văn bản trong vòng 01 ngày kể từ khi xảy ra sự việc; và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về các quyết định đó;

j) Khi nhận thấy các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền của cổ đông, Tổng giám đốc phải có báo cáo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

k) Đối với các nội dung có trong kế hoạch năm, Hội đồng quản trị đã phê duyệt hoặc thông qua thì Tổng giám đốc chủ động triển khai thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện mà không phải trình lại chi tiết khi triển khai (như công tác tuyển dụng, triển khai các khóa đào tạo, ...);

l) Bộ máy giúp việc của Công ty, Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo chức năng nhiệm vụ được phân công;

m) Các nội dung trình Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có ý kiến được gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày.

9. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm;

b) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản nhưng không trễ hơn 20 ngày kể từ ngày kết thúc và phải gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác điều hành Công ty. Tùy theo phạm vi và kết quả kiểm tra, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và/hoặc quy định tại Điều lệ Công ty thì phải thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

d) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính Công ty hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

đ) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ;

e) Các nội dung khác cần lấy ý kiến của Tổng giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 05 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 05 ngày làm việc.

Điều 18. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thực hiện đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, tham chiếu vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà đưa ra hình thức, phương thức khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông; trong trường hợp có đủ chứng cứ cho rằng nếu không đánh giá, xử lý kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị sẽ gây nguy hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty hoặc vi phạm pháp luật của nhà nước, Hội đồng quản trị sẽ họp bàn và ra quyết định kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị sau đó trình lên tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông;

b) Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị được đánh giá bởi Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; hai cơ quan này họp bàn và đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng để trình lên tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoặc Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát, thông qua Hội đồng quản trị tham chiếu các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Ban kiểm soát để trình lên tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

3. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc

a) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc, tham chiếu vào các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động mà đưa ra hình thức, phương thức khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc để trình lên Đại hội đồng cổ đông; trong trường hợp có đủ chứng cứ cho rằng nếu không đánh giá, xử lý kỷ luật Tổng giám đốc sẽ gây nguy hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty hoặc vi phạm pháp luật của nhà nước, Hội đồng quản trị sẽ họp bàn và ra quyết định kỷ luật Tổng giám đốc, sau đó mới trình lên tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông;

b) Khen thưởng đối với Tổng giám đốc được đánh giá bởi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; hai cơ quan này họp bàn và đưa ra hình thức và phương thức khen thưởng để trình lên tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

4. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành khác

a) Mức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ hàng năm bao gồm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ;

b) Hội đồng quản trị đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng đơn vị và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm. Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá hệ số xét thưởng hiệu quả hàng tháng của các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

c) Tổng Giám đốc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật, hệ số xét thưởng hiệu quả hàng tháng đối với các chức danh do Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Khi áp dụng những nội dung trong Quy chế này nếu có những nội dung nào không phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, của Điều lệ Công ty thì những nội dung đó sẽ được áp dụng tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật, của Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ bao gồm 07 Chương 20 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2024 theo Nghị quyết số /NQ-SBH ngày 28/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

(Kèm theo Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024)

Phú Yên, Tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 12. Nhiệm kỳ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	16
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	17
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	17
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	18
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành	19
Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát.....	19
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	20
Điều 23. Sửa đổi, bổ sung	20
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	20

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phủ Yên, ngày 01 tháng 12 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-SBH ngày 28/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **06 (sáu)** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

b) Công ty **có 01 (một)** thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 (năm) công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; Của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; Không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; Là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; Việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên, và từ 90% trở lên sẽ được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên;

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và *các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty*; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗi phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;

o) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

p) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Phê chuẩn, chấp thuận những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

- f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

- g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 14 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến (theo nhiều cách thức) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư thì phiếu biểu quyết này phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng giám đốc (trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và cán bộ quản lý khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị, những người được mời họp có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành

viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f và g khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách

nhệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản có chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình

đăng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Khi áp dụng những nội dung trong Quy chế này nếu có những nội dung nào không phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, của Điều lệ Công ty thì những nội dung đó sẽ được áp dụng tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật, của Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ bao gồm 07 (bảy) Chương 24 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2024 theo Nghị quyết số /NQ-SBH ngày 28/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4161/EVNGENCO2-PC+TCNS

Cần Thơ, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế phải trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Kính gửi: Nhóm người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Ngày 30/9/2024, EVNGENCO2 nhận được văn bản số 2566/SBH-NDD do Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) báo cáo về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ gần nhất của CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ.

Căn cứ Nghị quyết số 377/NQ-HĐQT ngày 21/10/2024 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế phải trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, EVNGENCO2 có ý kiến như sau:

Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại SBH báo cáo tại văn bản số 2566/SBH-NDD ngày 30/9/2024, nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

EVNGENCO2 yêu cầu Người đại diện phối hợp với HĐQT SBH chỉ đạo đơn vị rà soát, sửa đổi hoàn thiện dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động và các Quy chế phải trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để biểu quyết tại HĐQT/ĐHĐCĐ theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban TH;
- Lưu: VT, TCNS, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Phú Thái

PHỤ LỤC

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Người đại diện phân vốn của EVNGENCO2 tại SBH báo cáo tại văn bản số 2566/SBH-NDD ngày 30/9/2024 (Kèm theo văn bản số ... ngày ... của EVNGENCO2)

Stt	Điều khoản	Nội dung theo quy định hiện hành của SBH	Nội dung đề nghị hiệu chỉnh
I	Điều lệ tổ chức và hoạt động SBH		
1	Khoản 3 Điều 26	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: b) Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 (một phần năm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	b) Công ty có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
2	Điểm h Khoản 2 Điều 27	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
II	Quy chế nội bộ về quản trị của SBH		
1	Điểm h Khoản 2	Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	

Stt	Điều khoản	Nội dung theo quy định hiện hành của SBH	Nội dung đề nghị hiệu chỉnh
2	Điều 7 Điều a Khoản 2 Điều 8	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>- Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;</p> <p>- Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 (một phần năm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập;</p>	<p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>
III	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của SBH		<p>- Công ty có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập;</p>
1	Điều b Khoản 4 Điều 5	<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>b) Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 (một phần năm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p>	<p>b) Công ty có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p>

Stt	Điều khoản	Nội dung theo quy định hiện hành của SBH	Nội dung đề nghị hiệu chỉnh
2	Điểm h Khoản 2 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**5.
TỜ TRÌNH VỀ VIỆC
MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-HĐQT ngày 16/8/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phát điện 2 về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phát điện 2 về việc thôi ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Văn bản số 3780/EVNGENCO2-TCNS+TH ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phát điện 2 về việc thôi ủy quyền đại diện phần vốn đối với Ông Nguyễn Văn Tạng;

Căn cứ Nghị quyết số 2857/NQ-SBH ngày 30/10/2024, 2628/NQ-SBH ngày 07/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

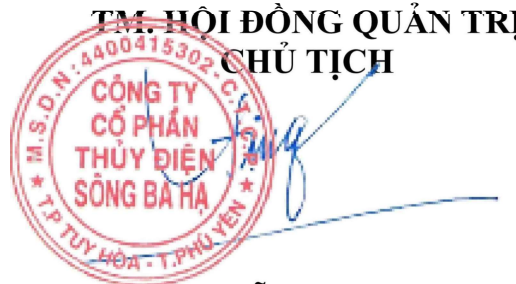
Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua nội dung sau:

Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Tạng, kể từ ngày 01/12/2024 để nghỉ hưu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Công bố thông tin;
- Đăng Website Cty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Nguyễn Văn Tạng

Số: 151/QĐ-HĐQT

Cần Thơ, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **thôi ủy quyền đại diện phần vốn của**
Tổng công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần (EVNGENCO2);

Căn cứ Nghị quyết số 348/NQ-HĐQT ngày 25/9/2024 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc **thôi ủy quyền đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH)**;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-HĐQT ngày 16/8/2024 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc **nghi hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn Tạng**;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi ủy quyền đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại SBH và **thôi giới thiệu** danh Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT SBH đối với cá nhân có tên sau đây:

- Ông Nguyễn Văn Tạng

- Số CCCD:

tại: Cục Cảnh sát quản lý hành

chính về trật tự xã hội.

- Số cổ phần làm đại diện: 30.696.373 cổ phần của EVNGENCO2 tại SBH (tương đương 24,71% Vốn Điều lệ Công ty).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024, đồng thời, **chấm dứt thực hiện** Hợp đồng ủy quyền số 09/2023/EVNGENCO2-HĐ ngày 21/6/2023 giữa EVNGENCO2 và ông Nguyễn Văn Tạng để **nghi hưu** theo chế độ.

Điều 3. Ông Nguyễn Văn Tạng, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại SBH và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan **chịu trách nhiệm thi hành** Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT EVNGENCO2;
- Ban TGD;
- Ban TCKT, TH, KTGS, PC;
- C/ty CP TB SBH (bản giấy);
- Lưu: VT, TH, TCNS.



Trần Phú Thái

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CTCP

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Phát điện 2 - CTCP (EVNGENCO2);

Căn cứ Văn bản số 1328/EVNGENCO2-TCNS+TH ngày 16/10/2021 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc áp dụng Quy chế về công tác cán bộ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định số 125/QĐ-HĐTV ngày 01/10/2021 của Hội đồng thành viên EVN);

Căn cứ Nghị quyết số 297/NQ-HĐQT ngày 15/8/2024 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc EVNGENCO2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông Nguyễn Văn Tặng Sinh ngày: 28/11/1963.

Mã số BHXH:

Số điện thoại di động:

Chức vụ: Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2, Chủ tịch Hội đồng quản trị tại CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Được nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội kể từ ngày **01/12/2024**.

Nơi cư trú khi nghỉ hưu: 65 Tân Trào, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Hình thức nhận lương hưu: Nhận lương hưu qua tài khoản thẻ.

- Số tài khoản:

- Ngân hàng mở TK: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Phú Yên.

Nơi khám chữa bệnh BHYT ban đầu: Bệnh viện đa khoa Tỉnh Phú Yên.

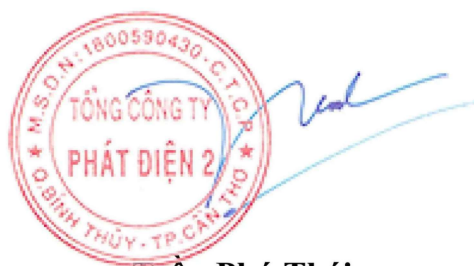
Điều 2. Chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Văn Tạng do Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ lập thủ tục hồ sơ gửi Cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội hiện hành.

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban Cơ quan Tổng công ty, Nhóm người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và ông Nguyễn Văn Tạng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy EVNGENCO2 (để b/c);
- HĐQT (để b/c);
- CĐ EVNGENCO2;
- CTCP TĐ SBH, ông N V Tạng (04 bản giấy);
- Lưu: VT, TH, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Phú Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**6.
TỜ TRÌNH VỀ VIỆC
NHÂN SỰ BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Nhân sự bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 02 năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2024 của Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần là Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đề cử nhân sự tham gia ứng cử chức danh Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Nghị quyết số 3047/NQ-SBH ngày 20/11/2024, 2857/NQ-SBH ngày 30/10/2024, 2628/NQ-SBH ngày 07/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông Tờ trình số 2865/TTr-SBH xem xét miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/12/2024 đối với Ông Nguyễn Văn Tặng để nghỉ hưu theo quy định. Khi Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Tặng thì số lượng Thành viên Hội đồng quản trị còn lại là 5 (năm) thành viên, thiếu 01 (một) thành viên so với quy định hiện hành của Điều lệ Công ty là 6 (sáu) thành viên.

Để đảm bảo đủ số lượng Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

1. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung: 01 (một) thành viên, nhiệm kỳ 5 (năm) năm và làm việc theo chế độ không chuyên trách.

2. Thông qua danh sách ứng cử viên do Cổ đông đề cử tham gia ứng cử bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cổ đông Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần, sở hữu 76.740.931 cổ phần (tương ứng với 61,7757% vốn Điều lệ), đề cử Ông **Nguyễn Đức Phú** -

Hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, đại diện sở hữu 23.022.279 cổ phần (tương ứng với 18,5327% vốn Điều lệ) - Tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị.

- Các ứng cử viên do Cổ đông/Nhóm Cổ đông đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị đến tại thời điểm Đại hội (nếu có).

3. Thông qua danh sách ứng cử viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định để bầu bổ sung vào Thành viên Hội đồng quản trị, gồm:

- Ông **Nguyễn Đức Phú** - Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị (Có Hồ sơ cá nhân kèm theo).

- Các ứng cử viên khác (nếu có) đến tại thời điểm Đại hội.

4. Việc bầu cử trúng cử bổ sung 01 thành viên vào Hội đồng quản trị của Công ty sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024.

Với những nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua những nội dung nêu trên để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Công bố thông tin;
- Đăng Website Cty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tặng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Tên tên là: Nguyễn Đức Phú Sinh ngày: 02/09/1975

Số CMND/CCCD.

Nơi cấp:

Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 66A Trần Phú, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: 66A Trần Phú, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Điện khí hóa và cung cấp điện.

Xin cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và thực hiện nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, đúng quy định pháp luật và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ./.

Phú Yên, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Người cam kết



Nguyễn Đức Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH ỨNG VIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

- Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC PHÚ
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 02/9/1975
- Số CMND/CCCD: tại Cục cảnh sát
quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thôn Long Phụng, Xã Hòa Trị, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Địa chỉ thường trú: 66A Trần Phú, Phường 2, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Chỗ ở hiện nay: 66A Trần Phú, Phường 2, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Điện khí hóa và cung cấp điện.
- Quá trình công tác:



Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 3/1999 đến 12/1999	Chuyên viên, Ban chuẩn bị sản xuất - Ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Sông Hinh.
Từ 01/2000 đến 12/2005	Trưởng ca vận hành - Nhà máy thủy điện Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
Từ 01/2006 đến 6/2006	Chuyên viên, Ban chuẩn bị sản xuất - Ban quản lý dự án Thủy điện 3
Từ 7/2006 đến 12/2007	Chuyên viên, Ban chuẩn bị sản xuất - Ban quản lý dự án Thủy điện 7
Từ 01/2008 đến 02/2008	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Từ 03/2008 đến 8/2010	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
Từ 9/2010 đến 10/2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
Từ 11/2011 đến 3/2018	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
Từ 4/2018 đến 4/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
Từ 5/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

13. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ: Phó Tổng Giám đốc.
14. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
15. Số cổ phần được ủy quyền đại diện sở hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ: 23.022.279 cổ phần, chiếm 18,53 % vốn điều lệ Công ty.
16. Số cổ phần cá nhân sở hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ: 5.500 cổ phần, chiếm 0,000044 % vốn Điều lệ Công ty.
17. Những người liên quan có nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (nếu có):
Em ruột: Nguyễn Đức Cường, 5.500 Cổ phần
18. Các lợi ích có liên quan tới Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (nếu có): Không
19. Họ và tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng cử viên (nếu có):
Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần.
20. Quan hệ thân nhân:

Họ tên	Năm sinh	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Cha: Nguyễn Tấn Y	1948		Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Nông dân	
Mẹ: Nguyễn Thị Việt Hoàng	1952		Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Nông dân	
Vợ:	1978		66A Trần	Giáo	



Nguyễn Thị Cẩm Nhung			Phú, P2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	viên	
Con: Nguyễn Đức Khoa	2003		66A Trần Phú, P2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Sinh viên	
Con: Nguyễn Thị Thanh Nhã	2007		66A Trần Phú, P2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Học sinh	
Em ruột Nguyễn Đức Cường	1977		88/10 Lê Thành Phương, P 8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư	Chuyên viên
Em ruột: Nguyễn Thị Việt Hào	1978		4/4 Phan Đình Phùng, P 1, Tp Tuy Hòa, Phú Yên.	Cử nhân	Chuyên viên



Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực về những nội dung như trên theo các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ./.

Xác nhận của nơi Đơn vị đang
công tác



Phú Yên, Ngày 18 tháng 11 năm 2024

Người khai

Nguyễn Đức Phú

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề cử nhân sự tham gia ứng cử chức danh
Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần (EVNGENCO2);

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 12/11/2024 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc thông qua phương án bố trí nhân sự làm Người đại diện phần vốn không chuyên trách và giới thiệu giữ chức danh quản lý tại CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH);

Theo đề nghị của Tổng giám đốc EVNGENCO2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đề cử ông Nguyễn Đức Phú, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tham gia ứng cử chức danh Thành viên Hội đồng quản trị SBH (nhiệm kỳ 05 năm) tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất của SBH, làm việc theo chế độ không chuyên trách.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ông Nguyễn Đức Phú có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của EVNGENCO2.

Điều 3. Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO 2 tại SBH và cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT EVNGENCO2;
- Các PTGD;
- Ban TCKT, PC, TH, KTGS;
- CTCP TĐ Sông Ba Hạ;
- Lưu: VT, TH, TCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Phú Thái

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Phát điện 2
tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ
phần (EVNGENCO2);

Căn cứ Nghị quyết số 414/NQ-HĐQT ngày 12/11/2024 của Hội đồng quản
trị EVNGENCO2 về việc thông qua phương án bố trí nhân sự làm Người đại diện
phần vốn không chuyên trách và giới thiệu giữ chức danh quản lý tại CTCP Thủy
điện Sông Ba Hạ (SBH);

Theo đề nghị của Tổng giám đốc EVNGENCO2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền làm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại SBH
cho cá nhân có tên sau:

- Ông Nguyễn Đức Phú, chức vụ: Phó Tổng giám đốc SBH.
- Số CCCD: tại: Cục Cảnh sát quản lý
hành chính về trật tự xã hội.
- Số cổ phần làm đại diện: 23.022.279 cổ phần của EVNGENCO2 tại SBH
(tương đương 18,53% Vốn điều lệ Công ty).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2024, ông Nguyễn
Đức Phú có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện đối với
phần vốn của EVNGENCO2 đầu tư vào doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan,
Người đại diện phần vốn của EVNGENCO 2 tại SBH và cá nhân có tên tại Điều 1
căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy EVNGENCO2;
- HĐQT EVNGENCO2;
- Các PTGD;
- Ban TCKT, PC, TH, KTGS;
- CTCP TĐ Sông Ba Hạ;
- Lưu: VT, TH, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Phú Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**7.
QUY CHẾ BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
LẦN 02 NĂM 2024**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

Phủ Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI CUỘC HỌP
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ban hành Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 như sau:

1. Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông được ủy quyền (sau đây gọi tắt là Cổ đông) khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ sẽ được Ban chuẩn bị tài liệu phát Phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị (phiếu màu xanh) cùng với các tài liệu họp khác theo quy định.

2. Việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 4 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty). Cổ đông có tổng số phiếu được quyền bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

Cổ đông có quyền bầu dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên **hoặc** bầu chia cho một số ứng cử viên với mỗi người một số phiếu nhất định trong phạm vi tổng số phiếu bầu của mình **hoặc** chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho các ứng cử viên.

3. Khi bầu cử, Cổ đông chọn 1 trong 2 cách: đánh dấu “X” (hoặc “√”) vào cột Chia đều **hoặc** ghi Số phiếu bầu vào cột còn lại trên Phiếu bầu cử.

Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu.

Trường hợp do nhầm lẫn thì Cổ đông báo cho Đoàn Chủ tịch giải quyết trước khi nộp Phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Phiếu bầu do Ban tổ chức, Ban chuẩn bị tài liệu phát ra có dấu của Công ty.

- Phiếu bầu không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.

- Phiếu bầu đủ hay phiếu bầu ít hơn số Thành viên Hội đồng quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó và bầu cho những ứng cử viên có tên trong danh sách Phiếu bầu cử.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức, Ban chuẩn bị tài liệu phát ra.
- Phiếu bầu không có đóng dấu của Công ty.
- Phiếu bầu bị rách, tẩy xóa, ghi thêm tên hoặc tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi bỏ phiếu.
- Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu dồn cho một hoặc một số ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu ghi trên phiếu.

6. Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên Hội đồng quản trị cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

7. Số lượng và danh sách Thành viên Ban bầu cử không quá 05 (năm) người và do Đoàn Chủ tịch đề cử, được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua để điều khiển việc bầu cử theo quy định. Ban bầu cử phải đảm bảo tính khách quan, trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật; nếu sai phạm Ban bầu cử phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước cuộc họp. Phiếu bầu cử và biên bản kiểm phiếu bàn giao lại cho Đoàn Chủ tịch.

8. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại cuộc họp. Cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban bầu cử sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến cuộc họp quyết định.

9. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ biểu quyết thông qua./.

**BAN TỔ CHỨC
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ



**8.
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024**

Phú Yên, tháng 11 năm 2024

Số: /NQ-SBH

Phú Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tổ chức vào ngày 28/11/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ theo Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

Điều 2. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đối với **Ông Nguyễn Văn Tặng**, kể từ ngày 01/12/2024 để nghỉ hưu theo quy định. Chi tiết như Tờ trình số 2865/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

Điều 3. Thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và danh sách trúng cử vào Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, như sau:

1. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung: 01 (một) thành viên, nhiệm kỳ 5 (năm) năm và làm việc theo chế độ không chuyên trách.

2. Thông qua danh sách ứng cử viên đủ điều kiện và tiêu chuẩn để bầu bổ sung vào Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1		Thành viên Hội đồng quản trị
2		Thành viên Hội đồng quản trị
3		Thành viên Hội đồng quản trị

3. Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1		Thành viên Hội đồng quản trị	
2		Thành viên Hội đồng quản trị	
3		Thành viên Hội đồng quản trị	

4. Thông qua danh sách trúng cử bầu bổ sung vào Thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 5 (năm) năm và làm việc theo chế độ không chuyên trách:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1		Thành viên Hội đồng quản trị

5. Kết quả bầu cử trúng cử bổ sung 01 thành viên vào Hội đồng quản trị của Công ty sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024.

Điều 4. Ủy quyền cho Chủ tọa Đại hội, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo thẩm quyền ký ban hành nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và các nghị quyết/quyết định về các nội dung đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 thông qua.

Điều 5. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Công bố thông tin;
- Đăng Website Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Các Đ/vị Cty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Văn Tạng

NGHỊ QUYẾT

Họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG LẦN 02 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tổ chức vào ngày 28/11/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ theo Tờ trình số 2864/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

Điều 2. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đối với **Ông Nguyễn Văn Tạng**, kể từ ngày 01/12/2024 để nghỉ hưu theo quy định. Chi tiết như Tờ trình số 2865/TTr-SBH ngày 31/10/2024.

Điều 3. Thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và danh sách trúng cử vào Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ, như sau:

1. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung: 01 (một) thành viên, nhiệm kỳ 5 (năm) năm và làm việc theo chế độ không chuyên trách.

2. Thông qua danh sách ứng cử viên đủ điều kiện và tiêu chuẩn để bầu bổ sung vào Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Đức Phú	Thành viên Hội đồng quản trị

3. Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Nguyễn Đức Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	92,73

4. Thông qua danh sách trúng cử bầu bổ sung vào Thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 5 (năm) năm và làm việc theo chế độ không chuyên trách:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Đức Phú	Thành viên Hội đồng quản trị

5. Kết quả bầu cử trúng cử bổ sung 01 thành viên vào Hội đồng quản trị của Công ty sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024.

Điều 4. Ủy quyền cho Chủ tọa Đại hội, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo thẩm quyền ký ban hành nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và các nghị quyết/quyết định về các nội dung đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 02 năm 2024 thông qua.

Điều 5. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2024./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Công bố thông tin;
- Đăng Website Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Các Đ/vị Cty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Văn Tặng